

Kinh

Đại Bi Tâm Đà Ra Ni



Đời Đường, Sa môn Đà Phạm Đạt Ma¹
Dịch Giả: Thích Thiên Tâm



Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

MỤC LỤC

I. Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni.....	3
II. Đại Bi Trì Nghiệm	56
III. Lời bạt.....	68
1. Vì tâm niệm bí mật nên không phiên dịch.	70
2. Vì nghĩa lý bí mật nên không phiên dịch.	71
3. Vì danh tự bí mật nên không phiên dịch:	71
4. Vì âm thanh bí mật nên không phiên dịch:	71
5. Vì sự sanh thiện bí mật nên không phiên dịch.	72
5.1. Về mặt giữ gìn giới hạnh:.....	73
5.2. Về mặt lập đàn tụng niệm:	73

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

I. Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Như thế tôi nghe, một thời đức Phật Thích Ca Mâu Ni² ngự nơi đạo tràng Bảo Trang Nghiêm, trong cung điện của Quán Thế Âm Bồ Tát ở tại non Bồ Đà Lạc Ca³, đức Phật ngồi nơi tòa sư tử, tòa này trang nghiêm thuần bằng vô lượng ngọc báu tạp ma-ni⁴, xung quan treo nhiều tràng phan bá bảo.

Khi ấy, đức Như Lai ở trên pháp tòa, sắp muốn diễn nói môn tổng trì đà ra ni⁵, có vô lượng số Bồ Tát ma ha tát⁶ câu hội, các vị ấy là: Tổng Trì Vương Bồ Tát, Bảo Vương Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Hoa Nghiêm Bồ Tát, Đại Trang Nghiêm Bồ Tát, Bảo Tạng Bồ Tát, Đức Tạng Bồ Tát, Kim Cang Tạng Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát⁷, Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát⁸...

Những vị Bồ Tát như thế đều là bậc quán đánh đại pháp vương tử⁹. Lại có vô lượng vô số đại thanh văn đều là bậc A La Hán¹⁰, tu hạnh thập địa câu hội. Trong ấy, ngài Ma Ha Ca Diếp¹¹ làm thượng thủ. Lại có vô lượng Phạm Ma La Thiên¹² câu hội. Trong ấy,

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

ngài Thiện Tra Phạm Ma¹³ làm thượng thủ. Lại có vô lượng chư thiên tử ở cõi trời Dục giới câu hội. Trong ấy, ngài Cù Bà Đà thiên tử¹⁴ làm thượng thủ.

Lại có vô lượng hộ thể tứ thiên vương¹⁵ câu hội trong ấy, ngài Đề Đầu Lại Tra¹⁶ làm thượng thủ. Lại có vô lượng Thiên¹⁷, Long¹⁸, Dạ xoa¹⁹, Càn Thát Bà²⁰, A Tu La²¹, Ca Lô La²², Khẩn Na La²³, Ma Hầu La Đà²⁴, Nhơn, Phi nhơn²⁵ câu hội. Trong ấy, ngài Thiên Đức đại long vương làm thượng thủ. Lại có vô lượng chư thiên nữ ở cõi trời Dục giới câu hội, trong ấy, ngài Đồng Mục Thiên nữ làm thượng thủ.

Lại có vô lượng Thần Hư không, Thần Giang hải, Thần Tuyền nguyên, Thần Hà chiếu, Thần dược thảo, Thần Thọ lâm, Thần xá trạch, Thần cung điện, cùng Thủy thần, Hỏa thần, Địa thần, Phong thần, Thổ thần, Sơn thần, Thạch thần v.v.. đều đến tập hội.

Bấy giờ, đức Quán Thế Âm Bồ Tát ở trong đại hội, mật phóng ánh thần thông quang minh, chiếu sáng 10 phương sát độ và cõi tam thiên đại thiên thế giới này đều thành sắc vàng. Từ thiên cung, long cung cho đến cung điện của các vị tôn thần thấy đều chấn động.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Biển cả, sông nguồn, núi Thiết Vi²⁶, núi Tu Di²⁷, cùng thổ sơn, hắc sơn, cũng đều rung động dữ dội. Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, tinh tú, và châu báu và lửa đều bị ánh kim quang rực rỡ kia lấn át làm cho ẩn mất không hiện.

Lúc đó, ngài Tổng Trì Vương Bồ Tát thấy tướng trạng hy hữu ấy, lấy làm lạ cho là việc chưa từng có, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính chấp tay, dùng lời kệ hỏi Phật, để biết tướng thần thông kia do ai làm ra, kệ rằng:

*Ai thành chánh giác trong ngày nay?
Khắp phóng ánh sáng như thế này,
Mười phương sát độ thành sắc vàng
Cả cõi đại thiên cũng như vậy,*

*Ai được tự tại trong ngày nay?
Phổ diễn thần lực ít có này.
Không ngăn cõi Phật đều rung động,
Cung điện long thần cũng long lay,
Sức thần thông này ai làm ra
Là ánh quang minh đáng Phật Đà
Là của bồ tát, đại thanh văn.*

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

*Hay trời Đế Thích, cùng Phạm ma?
Nay trong chúng hội đều sanh nghi,
Chẳng biết đây là nhân duyên gì?
Muốn cầu hiểu rõ, tâm thành kính,
Hương xông về ngôi đại từ bi.*

Đức Phật bảo Tổng Trì Vương Bồ Tát:

“Thiện nam tử! Các ông nên biết trong pháp hội này, có vị Bồ Tát Ma Ha Tát, tên là Quán Thế Âm Tự Tại, từ vô lượng kiếp đến nay đã thành tựu tâm đại từ bi, lại khéo tu tập vô lượng Đà la ni môn. Vị Bồ Tát ấy vì muốn làm cho chúng sanh được lợi ích an vui, nên mới mật phóng sức thần thông như thế’.

Đức Như Lai vừa nói lời ấy xong, Quán Thế Âm Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục nghiêm chỉnh, chấp tay hướng về Phật mà thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn, tôi có chú Đại Bi tâm đà ra ni, nay xin nói ra, vì muốn cho chúng sanh được an vui, được trừ tất cả bệnh, được sống lâu, được giàu có, được diệt tất cả nghiệp ác tội nặng, được xa lìa chướng nạn, được thành tựu tất cả thiện căn, được tiêu tan tất cả sự sợ

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

hãi, được mau đầy đủ tất cả những chỗ mong cầu. Cúi xin Thế Tôn từ bi đoãn hứa.

Đức Phật bảo: Thiện nam tử! Ông có tâm đại từ bi, muốn nói thần chú²⁸ để làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh. Hôm nay chính là lúc hợp thời, vậy ông nên mau nói ra, Như Lai tùy hỉ chư Phật cũng thế.

Quán Thế Âm Bồ Tát lại bạch Phật: Bạch đức Thế tôn! Tôi nhớ vô lượng ức kiếp về trước, có Phật ra đời, hiệu là Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai, đức Phật ấy vì thương nghĩ đến tôi và tất cả chúng sanh nên nói ra môn Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà Ra Ni, ngài lại dùng tay sắc vàng xoa nơi đầu tôi mà bảo: Thiện nam tử! Ông nên thọ trì tâm chú này và vì khắp tất cả chúng sanh trong cõi nước ở đời vị lai mà làm cho họ được sự an vui lớn.

Lúc đó tôi mới ở ngôi sơ địa, vừa nghe xong thần chú này liền chứng vượt lên đệ bát địa. Bây giờ tôi rất vui mừng, liền phát thệ rằng:

Nếu trong đời vị lai, tôi có thể làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh với thần chú này, thì xin khiến cho thân tôi liền sanh ra ngàn tay ngàn mắt.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Khi tôi phát thệ rồi, thì ngàn tay ngàn mắt đều hiện đủ nơi thân, lúc ấy, cõi đất 10 phương rung động 6 cách²⁹, ngàn đức Phật trong 10 phương đều phóng ánh quang minh soi đến thân tôi, và chiếu sáng 10 phương vô biên thế giới. Từ đó về sau, tôi ở trong vô lượng pháp hội của vô lượng chư Phật, lại được nghe và thọ trì môn đà ra ni này. Mỗi lần nghe xong, tôi khôn xiết vui mừng, liền được vượt qua sự sanh tử vi tế³⁰ trong vô số ức kiếp. Và từ ấy đến nay, tôi vẫn hằng trì tụng chú này, chưa từng quên bỏ. Do sức trì tụng ấy, tùy theo chỗ sanh, tôi không còn chịu thân bào thai, được hóa sanh nơi hoa sen, thường gặp Phật nghe pháp. Nếu có vị Tì khuru, Tỳ khuru ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di³¹ hay đồng nam, đồng nữ nào muốn tụng trì chú này, trước tiên phải phát tâm từ bi đối với chúng sanh, và sau đây y theo tôi mà phát nguyện:

*Nam mô đại bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau biết tất cả pháp.*

*Nam mô đại bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm được mắt trí huệ.*

Nam mô đại bi Quán Thế Âm

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Nguyện con mau độ các chúng sanh.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm

Nguyện con sớm được phương tiện khéo.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm

Nguyện con mau lên thuyền bát nhã.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm

Nguyện con sớm được qua biển khổ.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm

Nguyện con mau được đạo giới định.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm

Nguyện con sớm lên non Niết Bàn.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm

Nguyện con mau về nhà vô vi.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm

Nguyện con sớm đồng thân pháp tánh.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

*Nếu con hướng về nơi non đao,
Non đao tức thời liền sụp đổ.*

*Nếu con hướng về lửa, nước sôi,
nước sôi, lửa cháy tự khô tắt.*

*Nếu con hướng về cõi địa ngục,
Địa ngục liền mau tự tiêu diệt.*

*Nếu con hướng về loài ngạ quỷ.
Ngạ quỷ liền được tự no đủ.*

*Nếu con hướng về chúng Tu La,
Tu la tâm ác tự điều phục.*

*Nếu con hướng về các súc sanh,
Súc sanh tự được trí huệ lớn.*

Khi phát lời nguyện ấy xong, chí tâm xưng danh hiệu của tôi, lại chuyên niệm danh hiệu bốn sư tôi là đức A Di Đà Như Lai³², kể đó tiếp tụng đà ra ni thần chú này. Nếu chúng sanh nào, trong một ngày đêm

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

tụng năm biến chú, sẽ diệt trừ được tội nặng trong ngàn muôn ức kiếp sanh tử.

Quán Thế Âm Bồ Tát lại bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sanh nào trì tụng thần chú Đại Bi mà còn bị đọa vào 3 đường ác, tôi thề không thành chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, nếu không được sanh về các cõi Phật, tôi thề không thành chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, nếu không được vô lượng tam muội biện tài³³ tôi thề không thành chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi tất cả sự mong cầu trong đời hiện tại, nếu không được vừa ý, thì chú này không được gọi là Đại Bi tâm đà ra ni, duy trừ cầu những việc bất thiện, trừ kẻ tâm không chí thành. Nếu các người nữ chán ghét thân nữ, muốn được thân nam, tụng trì thần chú Đại Bi, như không chuyển nữ thành nam, tôi thề không thành chánh giác. Như kẻ nào tụng trì chú này, nếu còn sanh chút lòng nghi, tất không được toại nguyện. Nếu chúng sanh nào xâm tổn tài vật, thức ăn uống của thường trụ³⁴ sẽ mang tội rất nặng, do nghiệp ác ngăn che, giả sử ngàn đức Phật ra đời cũng không được sám hối, dù có sám hối cũng không trừ diệt. Nếu đã phạm tội ấy, cần phải đổi 10 phương đạo sư sám hối, mới có thể tiêu trừ. Nay do

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

tụng trì chú Đại Bi liền được trừ diệt. Tại sao thế? Bởi khi tụng chú Đại Bi tâm đà ra ni, 10 phương đạo sư đều đến vì làm chứng minh, nên tất cả tội chướng thảy đều tiêu diệt. Chúng sanh nào tụng chú này, tất cả tội thập ác ngũ nghịch³⁵, báng pháp, phá người, phá giới, phạm trai, hủy hoại chùa tháp, trộm của tăng kỳ³⁶, làm như phạm hạnh³⁷, bao nhiêu tội ác nghiệp nặng như thế đều được tiêu hết, duy trừ một việc: kẻ tụng đối với chú còn sanh lòng nghi. Nếu có sanh tâm ấy, thì tội nhỏ nghiệp nhẹ cũng không được tiêu, huống chi tội nặng? Nhưng tuy không liền diệt được tội nặng, cũng có thể làm nhân bồ đề về kiếp xa sau.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu các hàng trời, người tụng trì thần chú Đại Bi, thì không bị 15 việc chết xấu, sẽ được 15 chỗ sanh tốt.

Thế nào là 15 việc chết xấu?

1. Không bị chết do đói khát khốn khổ.
2. Không bị chết do gông tù đánh đập.
3. Không bị chết vì oan gia thù địch.
4. Không bị chết giữa quân trận chém giết nhau.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

5. Không bị chết do cọp sói cùng ác thú tàn hại.
6. Không bị chết bởi rắn rít độc cắn.
7. Không bị chết vì nước trôi lửa cháy.
8. Không bị chết bởi phạm nhằm thuốc độc.
9. Không bị chết do loài sâu trùng độc làm hại.
10. Không bị chết vì điên cuồng mê loạn.
11. Không bị chết do té cây, té xuống núi.
12. Không bị chết bởi người ác trù ếm.
13. Không bị chết bởi tà thần, ác quỷ làm hại.
14. Không bị chết vì bệnh ác lâm thân.
15. Không bị chết vì phi mạng tự hại.

Tụng trì thần chú Đại Bi, không bị 15 việc chết xấu như thế.

Sao gọi là 15 chỗ sanh tốt?

1. Tùy theo chỗ sanh, thường gặp đấng quốc vương hiền lành.
2. Tùy theo chỗ sanh, thường ở cõi nước an lành.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

3. Tùy theo chỗ sanh, thường gặp thời đại tốt.
4. Tùy theo chỗ sanh, thường gặp bạn lành.
5. Tùy theo chỗ sanh, thân căn thường được đầy đủ.
6. Tùy theo chỗ sanh, đạo tâm thuần thực.
7. Tùy theo chỗ sanh, không phạm cấm giới.
8. Tùy theo chỗ sanh, thường được quyền thuộc hòa thuận, có ân nghĩa.
9. Tùy theo chỗ sanh, vật dụng, thức ăn uống thường được đầy đủ.
10. Tùy theo chỗ sanh, thường được người cung kính giúp đỡ.
11. Tùy theo chỗ sanh, tiền của châu báu không bị kẻ khác cướp đoạt.
12. Tùy theo chỗ sanh, những việc mong cầu đều được toại nguyện.
13. Tùy theo chỗ sanh, long thiên, thiện thần thường theo ủng hộ.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

14. Tùy theo chỗ sanh, thường được thấy Phật nghe pháp.

15. Tùy theo chỗ sanh, khi nghe chánh pháp ngộ giải nghĩa sâu.

Nếu kẻ nào trì tụng chú Đại Bi, sẽ được 15 chỗ sanh tốt như thế! Cho nên tất cả hàng trời, người, đều nên thường tụng trì, chớ sanh lòng biếng trễ.

Khi đức Quán Thế Âm Bồ Tát nói lời ấy rồi, liền ở trước chúng hội, chấp tay đứng thẳng, nở mặt mỉm cười, nói chương cú màu nhiệm Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà Ra Ni rằng:

“Nam mô hắc ra đất na đá ra dạ gia.

Nam mô a rị gia bà lô kiết đế thước bát ra da.

Bồ đề tát đỏa bà gia.

Ma ha tát đỏa bà gia.

Ma ha ca lô ni ca da, án.

Tát bàn ra phạt duệ.

Số đất na đất tỏa.

Nam mô tát kiết lật đỏa y mông a rị gia bà lô kiết đế thất phạt ra lăng bà đà.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

**Nam mô na ra cần trì.
Hê rị ma ha bàn đá sa mế.
Tát bà a tha đậu du bằng a thệ dưng.
Tát bà tát đá na ma bà tát đa.
Na ma bà già.
Ma phạt đặc đậu.
Đát diệt tha.
Án a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê rị.
Ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà, tát bà.
Ma ra, ma ra.
Ma hê, ma hê rị đà dưng.
Cu lô, cu lô, yết môn.
Độ rô độ rô phạt xà gia đế.
Đà ra đà ra, địa rị ni, thất phạt ra da.
Giá ra giá ra.
Mạ mạ phạt ma ra.
Mục đế lệ.
Y hê di hê.
Thất na thất na.
A ra sâm phạt ra xá rị.
Phạt sa phạt sâm.
Phạt ra xá gia.
Hô rô hô rô, ma ra.**

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Hô rô hô rô hê rị.

Ta ra ta ra.

Tất rị tất rị.

Tô rô tô rô.

Bồ đề dạ, bồ đề dạ.

Bồ đà dạ, bồ đà dạ.

Di đế rị dạ.

Na ra cần trì.

Địa rị sắc ni na, bà dạ ma na, ta bà ha.

Tất đà dạ, ta bà ha.

Ma ha tất đà dạ ta bà ha.

Tất đà dĩ nghệ, thất bàn ra dạ ta bà ha.

Na ra cần trì ta bà ha.

Ma ra na ra ta bà ha.

Tất ra tăng a mục khư da ta bà ha.

Ta bà ma ha a tất đà dạ ta bà ha.

Giả kiết a ra tất đà dạ ta bà ha.

Ba đà ma yết tất đà dạ ta bà ha.

Na ra cần trì bàn đà ra dạ ta bà ha.

Ma bà rị thắng yết ra dạ ta bà ha.

Nam mô hất ra đất na đá ra dạ gia.

Nam mô a rị gia bà lô kiết đế thước bàn ra dạ.

Ta bà ha.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

**Án, tất diện đô, mạn đà ra, bạt đà dạ.
Ta bà ha.”**

Bồ tát thuyết chú xong, cõi đất 6 phen biến động, trời mưa hoa báu rơi xuống rải rác, 10 phương chư Phật thấy đều vui mừng, thiên ma ngoại đạo sợ rụng lông tóc. Tất cả chúng hội đều được quả chứng. Hoặc có vị chứng quả Tu đà hoàn, có vị chứng quả Tư đà hoàn, hoặc có vị chứng quả A na hàm³⁸, có vị chứng quả A la hán, hoặc có vị chứng được sơ địa, nhị địa, tam địa, tứ địa, ngũ địa cho đến thập địa, vô lượng chúng sanh phát lòng bồ đề.

Khi ấy Đại Phạm thiên vương từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục nghiêm chỉnh, chấp tay cung kính bạch với đức Quán Thế Âm bồ tát rằng: Lành thay đại sĩ! Từ trước đến nay, tôi đã trải qua vô lượng phật hội, nghe nhiều pháp yếu, nhiều môn đà ra ni, song chưa từng nghe nói chương cú thần diệu Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà Ra Ni này. Cúi xin đại sĩ vì tôi, nói hình trạng tướng mạo của đà ra ni ấy. Tôi và đại chúng đều ưa thích muốn nghe.

Quán Thế Âm Bồ tát bảo Phạm vương:

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

- Ông vì phương tiện lợi ích cho tất cả chúng sanh, nên hỏi như thế, nay ông khéo nghe, tôi sẽ vì ông mà nói lược qua.

Này Phạm vương! Những tâm đại từ bi, tâm bình đẳng, tâm vô vi, tâm chẳng nhiễm trước, tâm không quán, tâm cung kính, tâm khiêm nhường, tâm không tạp loạn, tâm không chấp giữ, tâm vô thượng Bồ Đề, nên biết các thứ tâm này đều là tướng mạo của môn đà ra ni này. Vậy, ông nên y theo đó mà tu hành.

Phạm vương thưa: Tôi và đại chúng hôm nay mới hân hạnh được biết tướng mạo của môn đà ra ni này, từ đây chúng tôi xin thọ trì chẳng dám lãng quên.

Bồ tát lại nói tiếp: Nếu kẻ thiện nam, thiện nữ nào tụng trì thần chú này, phải phát tâm Bồ Đề rộng lớn, thề độ tất cả muôn loài, giữ gìn trai giới, đối với chúng sanh khởi lòng bình đẳng, và thường nên trì tụng chớ cho gián đoạn. Lại nên ở nơi tịnh thất, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục sạch, treo phan, đốt đèn, dùng hương hoa, cùng các thứ ăn uống để cúng dường, buộc tâm một chỗ, chớ nghĩ chi khác, y như pháp mà tụng trì. Lúc ấy, sẽ có Nhựt Quang Bồ Tát, Nguyệt Quang

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Bồ Tát cùng vô lượng thần tiên đến chứng minh, giúp thêm sự hiệu nghiệm. Bấy giờ ta cũng dùng ngàn mắt chiếu soi, ngàn tay nâng đỡ, khiến cho kẻ ấy từ đó về sau có thể hiểu suốt tất cả sách vở thế gian, thông đạt các điển tịch Vi Đà³⁹ và tất cả pháp thuật ngoại đạo. Chúng sanh nào tụng trì thần chú này, có thể trị lành tám muôn bốn ngàn thứ bệnh ở thế gian, hàng phục các thiên ma, ngoại đạo, sai khiến được tất cả quỷ thần. Những kẻ tụng kinh tọa thiền ở nơi non sâu, đồng vắng, bị sơn tinh, tạp mị, các quỷ vọng lượng làm não loạn phá hoại, khiến cho tâm không an định, chỉ cần tụng chú này một biến, các quỷ thần ấy thấy đều bị trói. Nếu hành giả có thể tụng trì đúng pháp, khởi lòng thương xót tất cả chúng sanh, lúc ấy ta sẽ sắc cho tất cả thiện thần, long vương, kim cang mật tích thường theo ủng hộ, không rời bên mình, như giữ gìn trông con mắt hoặc thân mạng của chính họ.

Tiếp đó, Bồ Tát liền đọc lời kệ sắc lệnh rằng:

Ta sai Mật Tích, Kim Cang Sĩ⁴⁰

Ô sô quân đồ vương câu thi⁴¹

Bát bộ lực sĩ, Thường ca la⁴²

Thường theo ủng hộ bên hành giả.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

*Ta sai Ma Hê Na La Diên⁴³
Kim Tỳ La Đà Ca Tỳ La⁴⁴
thường theo ủng hộ bên hành giả.*

*Ta sai Bà Cấp Ta Lâu La⁴⁵,
Mãn Thiện Xa Bát Chân Đà La⁴⁶
thường theo ủng hộ bên hành giả.*

*Ta sai Tát Giá Ma Hòa La⁴⁷
Cưu La Đon Tra Bán Chỉ La⁴⁸
thường theo ủng hộ bên hành giả.*

*Ta sai Tát Bà Đà La Vương⁴⁹
Ứng Đức Tỳ La Tát Hòa La⁵⁰
thường theo ủng hộ bên hành giả.*

*Ta sai Phạm Ma Tam Bát La⁵¹
Ngũ Bộ Tịnh Cư Diêm Ma La⁵²
thường theo ủng hộ bên hành giả.*

*Ta sai Thích Vương Tam Thập Tam⁵³
Đại Biện Công Đức Bà Đát Na⁵⁴
Thường theo ủng hộ bên hành giả.*

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

*Ta sai Đề Đầu Lại Tra Vương
Các thần Mẫu nữ, chúng Đại Lực⁵⁵
thường theo ủng hộ bên hành giả.*

*Ta sai Tỳ Lô Lặc Xoa Vương⁵⁶
Tỳ Lô Bác Xoa, Tỳ Sa Môn⁵⁷
thường theo ủng hộ bên hành giả.*

*Ta sai Kim Sắc Không Tước Vương⁵⁸
28 bộ đại tiên chúng
thường theo ủng hộ bên hành giả.*

*Ta sai Ma Ni Bát Đà La⁵⁹
Táng Chi đại tướng, Phất La Bà⁶⁰
thường theo ủng hộ bên hành giả.*

*Ta sai Nan Đà, Bát Nan Đà⁶¹
Bà Đà La Long, Y Bát La⁶²
thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Tu La, Càn Thát Bà
Ca Lôu, Khẩn Na, Ma Hầu La
thường theo ủng hộ bên hành giả.*

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

*Ta sai thủy, hỏa, lôi, điện thần
Cưu Bàn Trà vương, Tỳ Xá Xà⁶³
thường theo ủng hộ bên hành giả.*

Các vị thiện thần này cùng thần long vương, thần Mẫu Nữ đều có 500 đại lực dạ xoa làm quyền thuộc, thường theo ủng hộ người thọ trì thần chú Đại Bi. Nếu người đó ở nơi núi hoang, đồng vắng, ngủ nghỉ một mình, các vị thiện thần ấy thay phiên nhau canh giữ không cho tai ương, chướng nạn phạm đến thân. Nếu hành giả đi trong núi sâu, lạc mất đường về, tụng trì chú này, thiện thần, long vương hóa làm người lành chỉ dẫn lối. Như hành giả trụ nơi núi rừng, đồng vắng, thiếu thốn nước lửa, long thần vì ủng hộ, hóa ra nước, lửa.

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát lại vì người tụng chú, nói bài kệ thanh lương tiêu trừ tai họa rằng:

Hành giả đi trong núi đồng vắng, gặp những cọp sói, các thú dữ, rắn, rít, tinh mị, quỷ vọng lượng. Tụng tâm chú này khỏi bị hại.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Nếu đi biển cả hoặc sông, hồ, những rừng rậm độc, loài Ma Kiệt⁶⁴, Dạ Xoa, La Sát, cá, rùa lớn nghe tụng chú này tự lánh xa.

Nếu bị quân trận giặc bao vây, hoặc gặp người ác đoạt tiền của, chỉ thành xưng tụng chú Đại Bi, giặc cướp khởi lòng tự thương xót.

Nếu bị vua quan, quân sĩ bắt, gông, cùm trói buộc, giam ngục tù, chỉ thành xưng tụng chú Đại Bi, vua, quan tự mở lòng ân xá.

Nếu đi vào nhà nuôi sâu độc, uống ăn để thuốc muốn hại nhau, chỉ thành xưng tụng chú Đại Bi, thuốc độc biến thành nước cam lộ.

Nữ nhơn bị nạn khi sanh sản, khổ vì ma quái làm ngăn cản, chỉ thành xưng tụng chú Đại Bi, quỷ tà sợ trốn sanh an ổn.

Gặp rừng, dịch quỷ gieo hơi độc, nóng bức, khổ đau sắp mạng chung, chỉ thành xưng tụng chú Đại Bi, bệnh dịch tiêu trừ, mạng trường cửu.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

*Rồng, quỷ lưu hành bình thường độc, ung sang lở
lối nhiều khổ đau, chỉ thành xưng tụng chú Đại
Bi, khắc ra ba lần hơi độc mất.*

*Chúng sanh đời trước khởi lòng ác, trù ếm hại
cho thỏa oán thù, chỉ thành xưng tụng chú Đại Bi, liền
phản trở lại người trù ếm.*

*Chúng sanh cõi trước đời mạng pháp, lửa dâm dục
thạnh, tâm điên đảo, ngoại tình, xa vợ, bỏ chồng
con, ngày đêm mãi tưởng điều sai quấy, nếu hay xưng
tụng chú Đại Bi, lửa dục tiêu trừ, tâm tà dứt.*

*Công lực Đại Bi chỉ lược qua, nếu ta nói hết
không cùng kiếp.*

Khi ấy, Quán Thế Âm Bồ Tát lại bảo Phạm
vương rằng:

Này Phạm vương! Nếu chúng sanh nào muốn
tiêu trừ tai nạn ma chướng nên lấy chỉ ngũ sắc xe làm
một sợi niệt, trước tiên tụng chú này 5 biến, kế tụng 21
biến, cứ tụng xong mỗi một biến lại thắt một gút, rồi
đeo nơi cổ hoặc bỏ nơi đây. Tâm chú Đại Bi đây do 99
ức hằng sa chư Phật đời quá khứ đã nói ra. Các đức

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Phật ấy vì thương xót muốn cho người tu hành: công đức lục độ chưa đầy đủ, mau được đầy đủ; mầm bồ đề chưa phát, mau được phát sanh; hàng thanh văn chưa chứng may được chứng quả; các vị thần tiên trong cõi đại thiên chưa phát lòng bồ đề, mau được phát tâm Bồ Đề, nếu chúng sanh nào chưa được tín căn đại thừa, do sức oai thần của đà ra ni này, hột giống đại thừa tự sanh mầm và tăng trưởng, lại do sức từ bi phương tiện của ta, khiến cho sự mong cầu của họ đều được thành tựu.

Lại nữa, trong tam thiên đại thiên thế giới, những chúng sanh ở nơi ba đường ác, ở chỗ sâu kín tối tăm, nghe thần chú của ta đây, đều được lìa khổ. Các vị Bồ Tát chưa lên bậc sơ trụ, mau được siêu lên, cho đến mau chứng ngôi thập trụ. Mau đến quả vị Phật, thành tựu 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình. Nếu hàng Thanh văn một phen được nghe qua chú này, hoặc biên chép, tu hành môn đà ra ni này, dùng tâm chất trực như pháp mà trụ, thì 4 quả sa môn không cầu tự được. Công lực của thần chú này có thể khiến cho nước sông, hồ, biển cả trong cõi đại thiên dâng trào, vách đá, núi nhỏ, núi thiết vi và núi Tu Di thấy đều rung động, lại có thể làm

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

cho tan nát như bụi nhỏ, những chúng sanh ở trong ấy đều phát tâm Bồ Đề.

Nếu chúng sanh nào trong đời hiện tại muốn mong cầu việc chi, nên giữ trai giới nghiêm sạch trong 21 ngày và tụng trì chú Đại Bi, tất đều được toại nguyện. Nếu thường chí tâm trì tụng, thì từ kiếp sống chết này đến kiếp sống chết khác, tất cả các nghiệp ác đều mau tiêu diệt. Tất cả chư Phật, Bồ Tát, Phạm Thiên, Đế Thích, Tứ thiên vương, thần, tiên, long vương, thủy đều chúng biết cho. Hàng trời, người nào thường thọ trì tâm chú này như tắm gội trong sông, hồ, biển cả, nếu những chúng sanh ở trong đó được nước tắm gội của người này dính vào thân thì bao nhiêu nghiệp nặng tội ác thủy đều tiêu diệt, liền được siêu sinh về tha phương Tịnh Độ, hóa sanh nơi hoa sen, không còn thọ thân thai, noãn, thấp nữa. Các chúng sanh ấy chỉ nhờ chút ảnh hưởng mà còn được như thế, huống chi là chính người trì tụng? Và, như người tụng chú đi nơi đường, có ngọn gió thổi qua mình, nếu những chúng sanh ở sau được ngọn gió của kẻ ấy lướt qua y phục thì tất cả nghiệp ác, chướng nặng thủy đều tiêu diệt, không còn đọa vào tam đồ, thường sanh ở

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

trước chư Phật, cho nên, phải biết quả báo phước đức của người trì tụng chú thật không thể nghĩ bàn!

Lại nữa, người trì tụng đà ra ni này, khi thốt ra lời nói chi, hoặc thiện hoặc ác, tất cả thiên ma ngoại đạo, thiên, long, quỷ thần đều nghe thành tiếng pháp âm thanh tịnh, đối với người ấy khởi lòng cung kính, tôn trọng như Phật.

Người nào trì tụng đà ra ni này nên biết người ấy chính là tạng Phật thân, vì 99 ức hằng hà sa chư Phật đều yêu quý. Nên biết người ấy chính là tạng quang minh, vì ánh sáng của tất cả Như Lai đều chiếu đến nơi mình. Nên biết người ấy chính là tạng từ bi, vì thường dùng đà ra ni cứu độ chúng sanh. Nên biết người ấy chính là tạng diệu pháp, vì nhiếp hết tất cả các môn các môn đà ra ni. Nên biết người ấy chính là tạng thiên định vì trăm ngàn tam muội thấy đều hiện tiền. Nên biết người ấy chính là tạng hư không, vì hằng dùng không huệ quán sát chúng sanh. Nên biết người ấy chính là tạng vô úy vì thiên, long, thiện thần thường theo hộ trì. Nên biết người ấy chính là tạng diệu ngữ vì tiếng đà ra ni trong miệng tuôn ra bất tuyệt. Nên biết người ấy chính là tạng thường trụ vì

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

tam tai, ác kiếp không thể làm hại. Nên biết người ấy chính là tạng giải thoát vì thiên ma ngoại đạo không thể bức hại. Nên biết người ấy chính là tạng được vương vì thường dùng đà ra ni trị bệnh chúng sanh. Nên biết người ấy chính là tạng thần thông vì được tự tại dạo chơi nơi 10 phương cõi Phật. Công đức người ấy khen ngợi không thể cùng!

Đức Phật bảo Phạm vương:

- Nay thiện nam tử! Nếu kẻ nào chán sự khổ ở thế gian muốn cầu thuốc trường sanh, thì nên an trụ nơi chỗ vắng lặng sạch sẽ, kiết giới thanh tịnh và thật hành một trong các phương pháp như sau: Hoặc tụng chú vào trong áo mà mặc, hoặc tụng chú vào nước uống, thức ăn, chất thơm, dược phẩm mà dùng. Nên nhớ mỗi thứ đều tụng 108 biến, tất sẽ được sống lâu. Nếu có thể kiết giới đúng pháp, và y như pháp mà thọ trì, thì mọi việc đều thành tựu.

Phép kiết giới như thế nào? Hoặc tụng chú vào lưỡi dao sạch, rạch đất xung quanh làm giới hạn. Hoặc tụng chú vào nước sạch, rải 4 phương làm giới hạn. Hoặc tụng chú vào hột cải trắng, liêng ra bốn phía làm

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

giới hạn. Hay dùng tâm tưởng đến chỗ nào thì chỗ đó là giới hạn. Hoặc tụng chú vào tro sạch, rải xung quanh làm giới hạn. Hoặc tụng chú vào chỉ ngũ sắc, treo vây bốn bên làm giới hạn. Mấy phương pháp trên đây, dùng cách nào cũng được. Nên nhớ mỗi thứ đều phải tụng cho đủ 21 biến. Nếu tụng trì đúng pháp, tự nhiên sẽ được hiệu quả.

Này thiện nam tử! Chúng sanh nào nghe danh tự của môn đà ra ni này còn được tiêu diệt tội nặng sanh tử trong vô lượng kiếp, hưởng chi là tụng trì? Nếu người nào được thần chú này mà tụng trì, phải biết kẻ ấy đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo nhiều căn lành. Nếu kẻ nào tụng trì đúng pháp nên biết người ấy là bậc có đủ tâm đại bi, không bao lâu nữa sẽ thành Phật. Cho nên, hành giả khi thấy mọi loài, đều nên vì chúng tụng trì chú này, khiến cho chúng được nghe để cùng gây nhân Bồ Đề, thì sẽ được vô lượng, vô biên công đức.

Nếu kẻ hành trì khéo giữ gìn trai giới, dụng tâm tinh thành, vì tất cả chúng sanh sám hối nghiệp ác đời trước tự mình cũng sám hối những ác nghiệp đã gây ra từ vô lượng kiếp đến nay, nơi miệng rành rẽ tụng đà ra

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

ni này tiếng tăm liên tiếp không dứt, thì trong đời hiện tại liền chứng được bốn đạo quả của bậc Sa Môn. Nếu là hạng lợi căn, có phương tiện huệ quán thì quả vị thập địa còn chứng được không lấy gì làm khó, huống gì là những phước báo nhỏ nhặt ở thế gian. Những việc như thế, nếu có mong cầu, đều được toại nguyện.

- Nay thiện nam tử! Nếu người nào muốn sai khiến quỷ, thì tìm một chiếc xương sọ của kẻ qua đời, đem về rửa sạch. Kế đó lập đàn tràng để chiếc xương ấy trước tượng Thiên Nhân, chí tâm tụng chú, mỗi ngày đều dùng hương hoa, cùng các thứ ăn uống cúng tế vong linh, đúng 7 ngày như thế, quỷ sẽ hiện thân, tùy theo mạng lệnh của người ấy sai bảo.

Như hành như muốn sai khiến Tứ Thiên Vương, thì tụng chú này vào gỗ đàn hương rồi đốt lên, sẽ thấy hiệu quả. Sở dĩ được như thế cũng là do nguyện lực đại từ bi của Quán Thế Âm Bồ Tát sâu nặng, lại cũng do oai thần rộng lớn của đà ra ni này.

Đức Phật lại gọi ngài A Nan mà bảo:

- Nay A Nan! Khi trong một nước có tai nạn nổi lên nếu muốn được an ổn, vị quốc vương ở xứ ấy phải

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

biết dùng chánh pháp trị dân, có độ lượng khoan hồng, không làm oan uổng trăm họ, tha kẻ tù phạm, và giữ thân tâm tinh tấn đọc tụng chú này. Hành trì như thế luôn 7 ngày đêm thì trong cõi nước ấy tất cả tai nạn thủy hỏa tiêu tan, ngũ cốc phong thịnh, dân chúng được an vui.

Lại trong một xứ, nếu gặp những tai ương dồn dập như: bị nước nghịch đem binh xâm lấn, dân tình rối loạn không yên, quan đại thần mưu phản, binh dịch lưu hành, mưa nắng trái thời hoặc nhật, nguyệt sai độ v.v... Muốn diệt các thứ tai nạn như thế ấy, vị quốc vương phải lập đàn tràng, tạo tượng Thiên Nhân Đại Bi để day mặt về phương Tây, sắm các thứ hương, hoa, tràng phan, bảo cái, hoặc trăm thức ăn uống mà cúng dường, rồi dùng thân tâm tinh tấn, đọc tụng chương cú thần diệu. Hành trì như thế đúng 7 ngày thì nước giặc quy hàng, chánh tình yên ổn, lân bang hòa hảo, thương mến lẫn nhau, trong triều từ vương tử cho đến trăm quan đều hết dạ trung thành, nơi cung vi, phi tần, thê nữ khởi lòng hiếu kính đối với vua, các thiên, long, quỷ thần đều ủng hộ trong nước khiến cho mưa gió thuận hòa, hoa quả tốt, nhân dân vui đẹp.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Lại nếu trong nhà có những tai nạn như ma quái nổi dậy, quyến thuộc đau nặng, tiền của hao mòn, gia đình rối loạn, người ác gieo tiếng thị phi hoặc vu khống để hãm hại, cho đến trong ngoài lớn nhỏ chẳng hòa thuận nhau. Muốn diệt những tai nạn ấy, gia chủ phải lập đàn tràng, hướng về tượng Thiên Nhân, chí tâm niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát và tụng đà ra ni này đủ ngàn biến, thì tất cả việc xấu như trên thấy đều tiêu diệt, gia đình được vĩnh viễn an vui.

Ngài A Nan lại bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Chú này tên gọi là chi? Con nên thọ trì như thế nào?

Đức Phật bảo:

- Thần chú này có những tên như sau:

1. Quảng đại viên mãn đà ra ni.
2. Vô ngại đại bi đà ra ni.
3. Cứu khổ đà ra ni.
4. Diên thọ đà ra ni.
5. Diệt ác thú đà ra ni.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

6. Phá ác nghiệp chướng đà ra ni.

7. Mãn nguyện đà ra ni.

8. Tùy tâm tự tại đà ra ni.

9. Tốc siêu thánh địa đà ra ni.

Ông nên y như thế mà thọ trì.

Ngài A Nan lại bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Vị Bồ Tát Ma Ha Tát, bộ chủ của thần chú này, tôn hiệu là chi, mà khéo nói môn đà ra ni như thế?

Đức Phật bảo:

- Vị Bồ Tát ấy hiệu là Quán Thế Âm Tự Tại, cũng tên là Nhiên Sách, cũng gọi là Thiên Quang Nhãn.

Này thiện nam tử! **Quán Thế Âm Bồ Tát thần thông oai lực không thể nghĩ bàn, trong vô lượng kiếp về trước từng thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai.** Vì nguyện lực đại bi, vì muốn làm duyên phát khởi cho tất cả các hàng Bồ Tát, vì muốn

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

an vui thành thực cho chúng sanh, ngài mới giáng tích hiện làm Bồ Tát. Vậy ông và đại chúng, các hàng Bồ Tát, Ma Ha Tát, Phạm vương, Đế Thích, Long thần đều nên cung kính, chớ sanh lòng khinh mạn, xem thường. Nếu tất cả hàng trời, người thường xưng niệm, cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ được vô lượng phước diệt vô lượng tội, mạng chung sanh về cõi nước của Phật A Di Đà.

Đức Phật bảo ngài A Nan:

- Thần chú của Quan Thế Âm Bồ Tát nói ra đây, chân thật không dối. Nếu muốn thỉnh Bồ Tát đến, nên tụng chú vào hương chuyết cụ la 21 lần rồi đốt lên (chuyết cụ la chính là an tức hương).

Nếu kẻ nào bị loài ma mèo dựa vào phá khuấy, người thân thuộc nên tìm một bộ xương của con mèo đã chết, đốt tan ra tro, rồi hòa với đất bùn sạch, nắn thành hình mèo. Khi hoàn thành để hình ấy trước tượng Thiên Nhân, tụng 108 biến chú Đại Bi vào lưỡi dao rồi chặt hình mèo thành 108 đoạn. Nên nhớ cứ mỗi lần tụng xong một biến thì chém xuống một dao,

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

kêu tên loài ma mèo một lần. Làm như thế bệnh nhờn sẽ an lành, ma mèo vĩnh viễn không dám phá hoại.

Nếu người nào bị chất độc của loài sâu cỏ làm hại, thì thân nhờn mau dùng hương dược kiếp bố la hòa đồng phân với chuyết cụ la hương vào nước trong, sắc còn một chén. Xong, lại để chén thuốc ấy trước tượng Thiên Nhân tụng chú 108 biến rồi cho bệnh nhờn uống, liền thấy an lành (dược kiếp bố la hương tức Long não hương).

Nếu bị rắn rít cắn, dùng vị Càn cương tán thành mặt, tụng chú vào đầy 21 biến, rồi đắp lên vết thương, liền hết.

Nếu bị kẻ thù mưu hại, nên dùng đất sạch, hoặc bột, hoặc sáp, nắn thành hình kẻ ấy. Xong, lại để hình nhờn trước tượng Thiên Nhân, tụng vào lưỡi dao 108 biến Đại Bi, cứ tụng xong mỗi biến lại chém xuống một dao, kêu tên người kia một lần, rồi đem 108 đoạn hình đã chặt đốt tan. Y theo pháp thức như thế, kẻ oan gia thù nghịch sẽ đổi ra trạng thái vui vẻ, thân hậu đối với ta, trọn đời đôi bên quý mến lẫn nhau.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Nếu bị bệnh đau mắt, hoặc mắt kéo màng đỏ, mắt trắng đục, hoặc quá sáng, hoặc hư trông, không thấy được ánh sáng, nên dùng trái ha lê lặc, trái am ma lặc, trái bệ hê lặc, mỗi thứ một quả, đem nghiền, vắt lấy nước. Khi vắt nước nên ở chỗ vắng lặng, giữ cho sạch sẽ, miệng luôn niệm Phật, chớ để cho mèo, chó, gà, lợn cùng đàn bà mới sanh thấy. Vắt nước xong đem hòa với bạch mật, hoặc sữa người. Sữa này phải là của phụ nưon sanh con trai, chứ không được dùng sữa của người sanh con gái. Khi hòa thành xong, đem chén thuốc để trước tượng Thiên Nhân tụng chú 108 biến. Trì chú vào thuốc rồi, bệnh nưon phải ở nơi nhà kín, tránh gió trong thời gian 7 ngày và dùng thuốc ấy nhỏ vào mắt. Làm như thế, trông con mắt hư lại sanh, các chứng kia đều lành. Mắt thấy được tỏ rõ (P.C: Ba thứ trái này xứ ta không có, bệnh nưon nên phương tiện thay 3 thứ trái khác hoặc 3 thứ thuốc khác có tánh cách trị bệnh đau mắt, nếu như chí thành, cũng được linh nghiệm).

Nếu bị bệnh rét hoặc bị loài ma rét dựa, nên dùng da cạp hoặc da beo tụng vào đầy 21 biến chú, rồi phủ lên mình thì bệnh sẽ lành, ma cũng xa lánh. Như được da sư tử thì càng quý.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Nếu bị rắn độc cắn, dùng chất rầy đóng trong lỗ tai của người bị cắn, tụng chú 21 biến, thoa vào vết thương, nọc rắn liền tiêu.

Nếu bị bệnh rét dữ nhập tâm, hôn muội sắp chết, dùng một khối củ cây đào, lớn ước lượng bằng trái đào, đem hòa với một chén nước trong, sắc còn nửa chén, tụng chú vào đầy bảy biến rồi uống, bệnh sẽ lành. Thuốc này chớ cho phụ nữ sắc.

Nếu bị loài quỷ truyền thi, phục thi làm bệnh, dùng hương chuyết cụ la tụng chú 21 biến, đốt xông vào lỗ mũi. Lại lấy 7 khối hương lớn ước lượng bằng lòng tay cái, cũng gia trì chú 21 biến mà uống, bệnh sẽ lành. Nên nhớ: Bệnh nhơn phải kiêng rượu, thịt, ngũ vị tân⁶⁵ và măng chử. Một phương pháp nữa là dùng vị Ma Na Thi La hòa với Bạch giới tử và muối hột, gia trì chú 21 biến, rồi đem xông đốt dưới giường người bệnh, quỷ liền vội vã trốn chạy, không dám ở (Ma Na Thi La là vị thuốc Hùng Hoàng).

Nếu bị tai điếc lưng bưng, tụng chú vào dầu mè, rồi nhỏ trong tai, bệnh sẽ lành.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Nếu bị chứng thiên phong, xụi nửa thân mình, tai điếc, mũi không biết mùi, dùng dầu mè sắc với vị Thanh Mộc Hương, gia trì chú 21 biến, rồi thoa nơi mình. Bệnh sẽ vĩnh viễn tiêu trừ. Lại một phương pháp nữa: dùng sữa ngưu tô thuần chất, tụng vào 21 biến chú mà thoa, bệnh cũng sẽ lành.

Nếu phụ nhon sanh sản khó, mau dùng dầu mà gia trì chú 21 biến, rồi thoa nơi rún và ngọc môn, liền được dễ sanh.

Nếu phụ nhon có nghén, thai nhi chết trong bụng, dùng một lượng thuốc A Ba Mộc Lợi Đà, đổ hai chén sắc còn một chén, gia trì chú 21 biến mà uống, thì cái thai liền ra, phụ nhon không một chút đau đớn. Như thai y (nhau) không ra, cũng uống thuốc này (A ba mộc lợi đà là vị Ngưu Tất)

Nếu bỗng nhiên đau nhói nơi tim chịu không kham, đây gọi là chứng độn thi chú, nên dùng hương Quân Trụ Lỗ, tụng chú vào 21 biến, rồi để trong miệng nhai nuốt không hạn nhiều ít, chừng nào mưa được mới thôi, y như thế bệnh sẽ lành, song nên nhớ phải cũ

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

ngũ tân và rượu thịt (quân trụ lỗ là vị thuốc Huân Lục Hương).

Nếu bị phỏng lửa thành ghẻ, dùng phân trâu đen tụng chú 21 biến mà thoa, bệnh sẽ lành.

Nếu bị sên lải cắn, dùng nửa chén nước tiểu con ngựa kim, như bệnh nặng thì một chén, gia trì chú 21 biến, uống vào loài trùng sẽ quỵện ra như sợi dây.

Nếu bị bệnh ghẻ đĩnh dùng lá Lăng Tiêu ngâm lấy nước, gia trì chú 21 biến mà thoa, thì ghẻ liền ra còi mà lành.

Nếu rui bị con lằn cắn vào mắt, dùng phần mới của con lừa, vắt lấy nước, gia trì 21 biến chú, đợi ban đêm trước khi ngủ, nhỏ thuốc ấy vào, bệnh sẽ lành.

Nếu bị đau bụng, dùng nước giếng trong nấu với 21 hột muồn lớn, còn nửa chén gia trì chú 21 biến uống vào, liền hết đau.

Nếu bị bệnh đau mắt đỏ, mắt lồi thịt, mờ mịt không thấy, dùng lá xa xa di ngâm lược lấy nước, gia trì chú 21 biến, rồi bỏ đồng tiền có meo xanh vào ngâm

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

một đêm. Xong lại lấy ra, tụng thêm vào đây 7 biến chú nữa. Dùng thuốc này nhỏ vào mắt, bệnh sẽ lành (Xa xa di là lá câu kỷ).

Nếu người có tật ban đêm sợ hãi ra vào không yên, lấy chỉ trắng xe thành niệt, gia trì chú 21 biến, kết thành 21 gút buộc nơi cổ, thì tật ấy sẽ dứt. Chẳng những trừ được sự khủng bố mà cũng diệt được tội.

Nếu trong nhà sanh nhiều tai nạn, dùng nhánh cây thạch lựu chặt thành 1.080 đoạn ước độ một tấc, mỗi đoạn 2 đầu đều thoa mật tô lạc. Kề đó, đem lò nhỏ để trước bàn Phật, cứ tụng xong một biến chú, liền đốt một đoạn. Khi thiêu hết 1.080 đoạn, tất cả tai nạn thấy đều tiêu trừ.

Nếu ở các nơi đấu tranh, luận nghị, muốn được hơn người dùng cành bạch xương bồ gia trì chú 21 biến, đeo nơi cánh tay mặt, tất sẽ được toại nguyện.

Nếu muốn được trí huệ nên dùng nhánh xa xa di, chặt thành 1080 đoạn, mỗi đoạn 2 đầu thoa sữa ngưu tô thuần chất và sữa ngưu tô hòa với bạch mật, cứ mỗi lần tụng chú lại đốt một đoạn. Nên nhớ trong một ngày đêm chia ra ba thời, mỗi thời tụng chú và đốt 1080

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

đoạn. Thật hành đúng 7 ngày, chú sư sẽ được trí huệ thông ngộ. *(PC: Mỗi thời tụng 1080 biến tất là người tụng quá nhuần, và có định tâm nhiều).*

Nếu muốn hàng phục đại lực quỷ thần, dùng củi cây A rị sắc ca, thoa sữa tô lạc và mật vào, đem trước tượng Đại Bi gia trì, chú 49 biến, rồi đốt trong lửa (A rị sắc ca dịch là Mộc hoạn tử, cũng gọi là vô hoạn tử, một thứ cây có năng lực trừ tà, hạt của trái cây này có thể xỏ làm hạt chuỗi).

Nếu lấy một lượng Hồ Lô giá na, đem đựng trong bình lưu ly, để trước tượng Đại Bi tụng chú 108 biến, rồi dùng thuốc ấy thoa trên trán và nơi thân, thì tất cả Thiên, Long, Quỷ Thần, người cùng loài phi nhơn trông thấy đều hoan hỉ (hồ lô giá na là vị Ngưu Hoàng).

Nếu thân bị xiềng xích, dùng phần của con bò câu trắng, gia trì chú 108 biến, tụng xong đem thoa vào tay chà lên gông xiềng, gông xiềng sẽ tự sút.

Nếu vợ chồng bất hòa, trạng như nước lửa, dùng lông đuôi chim oan ương, đem trước tượng Đại Bi

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

tụng chú 1.080 biến rồi đeo trong mình, tất vợ chồng trọn đời vui hòa, thương yêu nhau.

Nếu lúa mạ hoặc các thứ cây trái bị sâu bọ cắn, dùng tro và cát sạch hòa với nước trong, gia trì 21 biến chú, rảy trên cây, trên mạ cùng bốn bên bờ ruộng, thì sâu bọ không dám phá hại.

Đức Phật lại bảo ngài A Nan: - Quán Thế Âm Tự Tại Bồ Tát có ngàn mắt ngàn tay, mỗi tay đều tiêu biểu cho hạnh tùy thuận các sự mong cầu của chúng sanh. Đó cũng là do tâm Đại Bi của vị Đại Sĩ ấy hóa hiện.

(PC: Những chân ngôn sau đây, chỗ có vạch ngang dài là chữ đọc kéo hơi dài ra, chữ có ngang vẫn là hai chữ đọc hiệp lại làm một, muốn cầu điều gì, đọc chân ngôn theo điều ấy).

1. Nếu chúng sanh nào muốn được giàu lớn, có nhiều thứ châu báu, đồ dùng, nên cầu nơi tay cầm châu như ý.

Chân ngôn rằng: Ân--, phạ nhựt ra, phạ đa ra, hồng phần tra.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

2. Nếu muốn trị các thứ bệnh trên thân, nên cầu nơi tay cầm cành dương liễu.

Chân ngôn rằng: Án-- tô tất địa, ca rị, phạ rị, đa nẫm đa, mục đa duệ, phạ nhựt ra, phạ nhựt ra, bạn đà, hạ nẵng hạ nẵng, hồng phẩn tra.

3. Nếu muốn trị các thứ bệnh trong bụng, nên cầu nơi tay cầm cái bát báu.

Chân ngôn rằng: Án--, chỉ rị, chỉ rị, phạ nhựt-ra, hồng phẩn tra.

4. Nếu muốn trị bệnh mắt mờ không thấy ánh sáng, nên cầu nơi tay cầm châu nhựt tinh ma ni.

Chân ngôn rằng: Án--, độ tỉ, ca giả độ tỉ, bát ra phạ rị nảnh, tát-phạ hạ.

5. Nếu muốn hàng phục tất cả thiên ma thần, nên cầu nơi tay cầm bặt chiết la⁶⁶.

Chân ngôn rằng: Án-- nễ bệ nễ bệ, nễ bà dã, ma ha thất rị duệ, tát-phạ hạ.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

6. Nếu muốn hàng phục tất cả oán tặc, nên cầu nơi tay cầm chày kim cang.

Chân ngôn rằng: Án -- phạ nhựt-ra, chỉ nãnh, chỉ nãnh, bát-ra nễ bát đa dã, tá-phạ hạ.

7. Nếu muốn trừ tánh ở tất cả chỗ sợ hãi không yên, nên cầu nơi tay thí vô úy.

Chân ngôn rằng: Án -- phạ nhựt-ra, năng dã, hồng phần tra.

8. Nếu bị các việc khuấy rối, muốn được an ổn, nên cầu nơi tay cầm dây quyền sách.

Chân ngôn rằng: Án -- chỉ rị, lã ra, mô nại ra, hồng phần tra.

9. Nếu bị bệnh nhiệt độc, muốn được mát mẻ hết bệnh, nên cầu nơi tay cầm châu nguyệt tinh ma ni.

Chân ngôn rằng: Án -- tô tất địa, yết rị, tát-phạ hạ.

10. Nếu muốn được làm quan, lên chức, nên cầu nơi tay cầm cung báu.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Chân ngôn rằng: Án -- a tả vĩ, lệ, tát-phạ hạ.

11. Nếu muốn được mau gặp các bạn lành, nên cầu nơi tay cầm tên báu.

Chân ngôn rằng: Án -- ca mạ lã, tát-phạ hạ.

12. Nếu muốn hàng phục tất cả quỷ, thần, vọng, lượng, nên cầu nơi tay cầm gương báu.

Chân ngôn rằng: Án -- đế thế, đế nhá, đồ vĩ nãnh, đồ đề bà đà dã, hồng phẩn tra.

13. Nếu muốn trừ những chương nạn ác bên thân, nên cầu nơi tay cầm cây phát trắng.

Chân ngôn rằng: Án-- bát na di nãnh, bà nga phạ đế, mô hạ dã nhá, nga mô hạ nãnh, tát-phạ hạ.

14. Nếu muốn tất cả người trong quyền thuộc được hòa thuận nhau, nên cầu nơi tay cầm cái hồ bình.

Chân ngôn rằng: Án -- yết lệ thăm mẫn diệm, tát-phạ hạ.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

15. Nếu muốn xua đuổi loài hổ báo, sài lang và tất cả ác thú, nên cầu nơi tay cầm cái bàng bài.

Chân ngôn rằng: Án -- được các sam năng, na dã chiến nại-ra, đạt nậu bá rị-dã, bạt xá bạt xá, tát-phạ hạ.

16. Nếu muốn trong tất cả thời, tất cả chỗ, lìa nạn quan quân vò bắt, nên cầu nơi tay cầm cây phủ việt.

Chân ngôn rằng: Án -- vị ra dã, vị ra dã, tát phạ hạ.

17. Nếu muốn có tôi trai tở gái đề sai khiến, nên cầu nơi tay cầm chiếc vòng ngọc.

Chân ngôn rằng: Án -- bát na hàm, vị ra dã, tát-phạ hạ.

18. Nếu muốn được các thứ công đức, nên cầu nơi tay cầm hoa sen trắng.

Chân ngôn rằng: Án -- phạ nhựt ra, vị ra dã, tát phạ hạ.

19. Nếu muốn được sanh về 10 phương tịnh độ, nên cầu nơi tay cầm hoa sen xanh.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Chân ngôn rằng: Án -- chỉ rị, chỉ rị, phạ nhựt ra, bộ ra bạn đà hồng phần tra.

20. Nếu muốn được trí huệ lớn, nên cầu nơi tay cầm cái gương báu.

Chân ngôn rằng: Án -- vĩ tát phổ ra, na ra các xoa, phạ nhựt ra, mạn trà lã, hồng phần tra.

21. Nếu muốn được diện kiến 10 phương tất cả chư Phật, nên cầu nơi tay cầm hoa sen tím.

Chân ngôn rằng: Án -- tát ra, tát ra, phạ nhựt ra, hồng phần tra.

22. Nếu muốn lấy được kho báu ẩn trong lòng đất, nên cầu nơi tay cầm cái bảo kíp.

Chân ngôn rằng: Án -- phạ nhựt ra, bát thiết ca rị, yết năng hàm ra hồng.

23. Nếu muốn được đạo tiên, nên cầu nơi tay cầm hóa hiện mây ngũ sắc.

Chân ngôn rằng: Án -- phạ nhựt ra, ca rị ra tra hàm tra.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

24. Nếu muốn sanh lên cõi Phạm Thiên, nên cầu nơi tay cầm bình quân trì⁶⁷.

Chân ngôn rằng: Án -- phạ nhựt ra thể khô ra, rô tra hàm tra,

25. Nếu muốn được sanh lên các cung trời, nên cầu nơi tay cầm hoa sen hồng.

Chân ngôn rằng: Án -- thương yết lệ, tát phạ hạ.

26. Nếu muốn xua đuổi giặc nghịch ở phương khác đến, nên cầu nơi tay cầm cây bảo kích.

Chân ngôn rằng: Án -- thăm muội dã, chỉ nãnh hạ rị, hồng phẩn tra.

27. Nếu muốn triệu tất cả chư thiên thiện thần, nên cầm nơi tay ống loa báu.

Chân ngôn rằng: Án -- thương yết lệ, mạ hạ thăm mẫn diệm, tát phạ hạ.

28. Nếu muốn sai khiến tất cả quỷ thần, nên cầu nơi tay cầm cây gậy đầu lâu.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Chân ngôn rằng: Án -- độ nẵng, phạ nhựt ra.

29. Nếu muốn 10 phương chư Phật sớm đến đưa tay tiếp dẫn, nên cầu nơi tay cầm xâu chuỗi ngọc.

Chân ngôn rằng: Nẵng mò -- ra đá nẵng, đát ra dạ dã, Án -- a na bà đế vĩ nhã duệ. Tất địa tất đà lật đế, tát phạ hạ.

30. Nếu muốn có được tất cả phạm âm thanh tốt nhiệm mầu, nên cầu nơi tay cầm chiếc linh báu.

Chân ngôn rằng: Nẵng mò bát ra hàm bá noa duệ, án -- a mật lật đảm, nghiễm bệ thất rị duệ, thất rị, chiêm rị nảnh, tát phạ hạ.

31. Nếu muốn được miệng nói biện luận hay khéo, nên cầu nơi tay cầm chiếc ấn báu.

Chân ngôn rằng: Án -- phạ nhựt ra, nảnh đảm nhá duệ, tát phạ hạ.

32. Nếu muốn được thiên thần, long vương thường đến ủng hộ, nên cầu nơi tay cầm cu thi thiết cầu.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Chân ngôn rằng: Ân - a rô rô, đa ra ca ra, vĩ sa duệ, năng mờ tát phạ hạ.

33. Nếu vì lòng từ bi muốn cho tất cả chúng sanh được nhờ sự che chở giúp đỡ, nên cầu nơi tay cầm cây tích trượng.

Chân ngôn rằng: Ân -- na lật thế, na lật thế, na lật tra bát đề, na lật đế na dạ bát nảnh, hồng phần tra.

34. Nếu muốn cho tất cả chúng sanh thường cung kính yêu mến nhau, nên cầu nơi tay hiệp chưởng.

Chân ngôn rằng: Ân - bát nạp mạng, nhá lăng hất rị. (Theo trong Tạng bản, lại có chân ngôn: Ân -- vĩ tát ra, vĩ tát ra, hồng phần tra).

35. Nếu muốn tùy theo chỗ sanh, thường ở bên Phật, nên cầu nơi tay hiện hóa Phật.

Chân ngôn rằng: Ân -- chiến na ra, ba hàm tra rị, ca rị na, chỉ rị na, chỉ rị nỉ, hồng phần tra.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

36. Nếu muốn đời đời kiếp kiếp thường ở trong cung điện Phật, không thọ sanh ở bào thai, nên cầu nơi tay hiện hóa cung điện.

Chân ngôn rằng: Án -- vi tát ra, vi tát ra, hồng phần tra.

37. Nếu muốn được học rộng nghe nhiều, nên cầu nơi tay cầm quyển kinh báu.

Chân ngôn rằng: Án -- a hạ ra, tát ra phạ ni, nễ đã đà ra, bố nễ đế, tát phạ hạ.

38. Nếu muốn từ thân này cho đến thân thành Phật, tâm bồ đề thường không lui sụt, nên cầu nơi tay cầm bát thối kim luân.

Chân ngôn rằng: Án -- thiết na di tả, tát phạ hạ.

39. Nếu muốn 10 phương chư Phật mau đến xoa đầu thọ ký, nên cầu nơi tay đánh thượng hóa Phật.

Chân ngôn rằng: Án -- phạ nhựt rị ni, phạ nhựt lẫm nghệ tát phạ hạ.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

40. Nếu muốn có được cây trái ngũ cốc, nên cầu nơi tay cầm chùm bồ đào.

Chân ngôn rằng: Ân -- A ma lã kiểm đế nễ nãnh, tát phạ hạ.

41. Nếu muốn cho tất cả loài hữu tình đói khát được no đủ mát mẻ, nên cầu nơi tay hóa nước cam lộ.

Chân ngôn rằng: Ân -- tố rô tố rô bác ra tố rô, bác ra tố rô, tố rô dã, tát phạ hạ.

42. Nếu muốn hàng phục ma oán trong cõi đại thiên, nên cầu nơi tay tổng nhiếp thiên thủ.

Chân ngôn rằng: Đát nễ dã thá, phạ lô chỉ đế, thấp phạ ra dã, tra ô hạ di dã, xá phạ ha.

- Nay A Nan! Những việc có thể mong cầu như thế, kể có ngàn điều. Nay ta chỉ nói lược qua chút ít phần thôi.

Khi ấy Nhựt Quang Bồ Tát vì người thọ trì Đại Bi Tâm đà ra ni nói đại thần chú để ủng hộ rằng:

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Nam mô bột đà cù na mê. Nam mô đạt ma mặc ha đê. Nam mô tăng già đa dạ nê, để chỉ bộ tất đất đốt chiêm nạp ma.

Nhật Quang Bồ Tát bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Tụng chú này diệt được tất cả tội, cũng đuổi được ma và trừ thiên tai. Nếu kẻ nào tụng chú này một biến, lễ Phật một lạy, mỗi ngày chia ra làm 3 thời tụng chú lễ Phật như thế, trong đời vị lai tùy theo chỗ thọ thân, thường được tướng mạo xinh đẹp, được quả báo đáng vui mừng.

Nguyệt Quang Bồ Tát cũng vì hành nhưn mà nói đà ra ni để ủng hộ rằng:

Thâm đê đế đồ tô tra. A nhã mật đế đồ tô tra, thâm kỳ tra. Ba lại đế. Gia di nhã tra ô đô tra. Câu la đế tra kỳ ma tra. Sá phạ hạ.

Nguyệt Quang Bồ Tát lại bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Tụng chú này 5 biến, rồi lấy chỉ ngũ sắc xe thành sợi niệt, gia trì chú vào, buộc treo nơi tay, chú này do 40 hằng sa chư Phật đời quá

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

khứ đã nói ra, nay tôi cũng nói để vì các hành nhơn mà làm duyên ủng hộ. Chú này có công năng trừ tất cả chướng nạn, tất cả bệnh ác, xa lìa tất cả sự sợ hãi.

Đức Phật bảo ngài A Nan:

- Ông nên dùng lòng trong sạch tin sâu mà thọ trì môn Đại Bi tâm đà ra ni này và lưu bố rộng ra trong cõi Diêm Phù Đề, chớ cho đoạn tuyệt. Đà ra ni này có thể làm lợi ích lớn cho chúng sanh trong 3 cõi. Tất cả bệnh khổ ràng buộc nơi thân, nếu dùng đà ra ni này mà trị thì không bệnh nào chẳng lành, dùng đại thần chú này tụng vào cây khô, cây ấy còn được sanh cành lá, trở bông, trái, huống chi là chúng sanh có tình thức ư? Nếu thân bị đại bệnh, dùng chú này mà trị không lành, lẽ ấy không bao giờ có.

Này thiện nam tử! Sức oai thần của Đại Bi tâm đà ra ni không thể nghĩ bàn! Không thể nghĩ bàn! Khen ngợi không bao giờ hết được, nếu chẳng phải là kẻ từ thời quá khứ lâu xa đến nay đã gieo nhiều căn lành, thì dù cho cái tên gọi còn không được nghe, huống chi là được thấy! Nay đại chúng các ông, cả hàng trời, người long thần, nghe ta khen ngợi phải nên

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

tùy hỉ. Nếu kẻ nào hủy báng thần chú này tức là hủy báng 99 ức hằng hà sa chư Phật kia. Nếu người nào đối với đà ra ni này sanh nghi không tin, nên biết kẻ ấy sẽ vĩnh viễn mất sự lợi ích lớn, trăm ngàn muôn kiếp không bao giờ nghe thấy Phật, Pháp, Tăng, thường chìm trong tam đồ không biết bao giờ mới được ra khỏi.

Khi ấy, tất cả chúng hội, Bồ Tát Ma ha tát, Kim Cang mật tích, Phạm vương, Đế Thích, tứ đại thiên vương, thiên, long, quỷ thần, nghe đức Như Lai khen ngợi môn đà ra ni này xong, thấy đều vui mừng, y lời dạy mà tu hành.

II. Đại Bi Trì Nghiệm

Thanh Biện Luật sư, người xứ Tây Thiên Trúc, sức học uyên bác, rất thâm về vô tướng tông. Các ngoại đạo nghe danh, đến vấn nạn đều bị ngài dùng nghĩa không mà phá tất cả. Có một lần, luận sư gặp một nhà ngoại đạo nổi tiếng là giỏi, 2 bên tranh biện nhau hơn nửa ngày, ngoại đạo bị khuất lý mà vẫn cố chấp không chịu thua. Do đó, tự thân bỗng biến thành

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

đá. Đến 6 tháng sau, nghe sấm nổ mới phục nguyên lại thành người như trước.

Về sau, ngài xem bộ luận về Hữu Tướng Tông của Hộ Pháp Đại Sư, đem nghĩa học của mình đối chiếu vẫn không phá hoại được, mới than rằng: 'Nếu không phải đức Di Lặc ra đời, thì ai giải quyết được mối nghi ngờ của ta?' Nhân đó, ngài đến trước tượng Quán Tự Tại Bồ Tát, tụng chú Đại Bi tùy tâm đà ra ni 3 năm. Một đêm, đức Quán Thế Âm Bồ Tát, hiện sắc thân tốt đẹp đến hỏi: 'Ngươi tụng chú để mong cầu điều chi?' Luận sư đáp: 'Con nguyện lưu trụ thân đời đến lúc Từ Thị Như Lai ra đời để thừa hỏi về giáo nghĩa'. Bồ Tát nói: 'Thân người mong manh, cõi đời hư huyền, sao không tu thắng hạnh cầu mong lên trời Đâu Suất, chẳng là mau gặp gỡ hơn ư?' Ngài thưa: 'Đức Di Lặc tuy hiện trụ nơi nội viện cung trời thứ tư, nhưng chưa thành Phật, vì thế con muốn đợi đến lúc ngài hiện thành chánh giác nơi cõi nhơn gian. Chí con đã quyết định, không thể lay chuyển'. Bồ tát bảo: 'Đã như thế, ngươi nên đi qua thành phía nam xứ Đại An Đạt La, thuộc về miền nam Thiên Trúc. Cách đó không xa, có một tòa sơn nham, chính là chỗ ở của thần Cháp Kim Cang. Sau khi đến nơi, ông nên đối

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

trước sơn nham tụng chú Cháp Kim Cang Thần đà ra ni, sẽ được toại nguyện'.

Luận sư vâng lời, đi đến nơi, hành trì như thế. 3 năm sau, thần hiện ra và hỏi: 'Ông cầu nguyện điều chi?' Đáp: Tôi vưng lời đức Quán Thế Âm Bồ Tát mách bảo, đến đây trì tụng, nguyện lưu thân này sống mãi đợi đến khi Phật Di Lặc ra đời, xin tôn thần cho tôi được thành tựu như ý muốn'. Cháp Kim Cang thần bảo: 'Trong sơn nham này có cung điện của thần A Tu La, ông nên gia trì chú Đại Bi trong hạt cải trắng, rồi liệng vào thì cửa đá sẽ mở. Sau khi ấy, ông nên đi thẳng vào trong, sẽ có phương tiện để cho ông trụ thân lâu dài mà chờ đợi'. Luận sư hỏi: '— trong cung động, cách biệt ngoài trần, khi Phật ra đời làm sao tôi được biết?' Thần nói: 'Chừng ấy, tôi sẽ cho ông hay'.

Ngài Thanh Biện lại y lời, tinh thành tụng chú trong hạt cải 3 năm, rồi liệng vào sơn nham, bỗng thấy vách đá mở ra, trong ấy hào quang chiếu sáng. Lúc bấy giờ, có rất đông đại chúng tề tựu đến xem, bàn bàn luận luận quên cả trở về. Luận sư tướng trạng an lành, bước vào cửa đá, rồi day lại nói: 'Tôi nguyện cầu đã lâu, muốn trụ thân này chờ đức Từ Thị ra đời, nhờ sức

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

thánh linh, bốn nguyện từ đây đã toại, vậy đại chúng nên theo tôi, để được ngày kia thấy Phật nghe pháp'. Trong chúng nghe nói sợ hãi, cho là hang loại độc long, đi vào chắc mất thân mạng. Luận sư đôi ba phen gọi bảo, chỉ có 6 người chịu đi theo mà thôi. Ngài từ tạ rồi dẫn 6 người thông thả đi vào trong, cửa đá liền khép lại.

Lúc ấy đại chúng ở ngoài thấy vậy hết sức hối tiếc, trách mình đã nghĩ nói lỗi lầm. (trích Đường Tây Vực Ký)

- Nước Ma Già Đà xứ Tây Thiên Trúc, có một người phật tử tại gia, tánh ưa sắc đẹp. Một hôm, nhân xem kinh thấy nói hàng A Tu La, người nam tuy xấu, nhưng người nữ lại xinh tốt tuyệt bậc, trong lòng sanh niệm mến thích, ước làm sao cùng được kết mối lương duyên. Không bao lâu, lại nghe nhiều vị bảo trong núi nọ có cung điện A Tu La rất nguy nga tráng lệ, báu lạ như thiên cung, liền quyết tâm trì chú Đại Bi 3 năm, cầu mong được viếng cảnh mau để thỏa lòng ước nguyện khi trước.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

3 năm đã mãn, người ấy từ tạ thân hữu, và gọi một tên đệ tử cùng đi theo. Khi thầy trò đi đến trước núi, chí tâm tụng chú cầu nguyện, bỗng cửa đá vụt mở, trong ấy lộ ra cung điện có quỷ thần canh giữ cực nghiêm. Vị phật tử liền bước đến nói rõ bốn nguyện của mình: trì chú muốn kết duyên cùng thần nữ A Tu La, xin nhờ thông báo, và thỉnh ý giùm. Kẻ giữ cửa vào thưa lại. A Tu La nữ nghe nói tỏ ý vui đẹp, hỏi: Đi đến có mấy người? Đáp: Thưa hai người. Thần nữ bảo: Người ra thuật lại ý ta đã thuận. Thỉnh người trì chú mau vào, còn ông đồng bạn hãy tạm đứng ngoài cửa. Kẻ giữ cửa ra thưa lại, vị Phật tử liền đi vào trong.

Nhìn theo thầy mình đi rồi, người đệ tử còn đang bàng hoàng, bất giác bỗng tự thấy đã trở về đứng ở phía nam của nhà mình hồi nào không hay. Từ ấy về sau, ông này đã mấy lần đến chỗ cũ, song chỉ thấy vách đá đứng sừng. Mây khói mịt mù, không còn được nghe biết tin tức gì bên trong nữa. Nhân đó, người đệ tử phát tâm lìa nhà tu hành, nguyện trọn đời ở nơi già lam cúng dường ngôi Tam bảo.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Khi ngài Huyền Trang sang Ấn Độ du học, đến trụ ở chùa Na Lan Đà, nghe chính người đệ tử này thuật chuyện lại (trích Tây Quốc Chí).

- Đòi nhà Tống, Huệ Tài pháp sư, người huyện Lạc Thanh, đất Vĩnh Gia, xuất gia hồi thuở còn bé, sau khi thọ đại giới, ngài đi tham học nhiều nơi mà không thông hiểu. Tự hận mình nghiệp chướng sâu dày, pháp sư thường tụng chú Đại Bi cầu cho được trí huệ. Hành trì đã lâu, bỗng một đêm ngài nằm mộng thấy một vị phàm tăng cao vài trượng, cởi áo ca sa đắp lên mình. Sau khi thức dậy, pháp sư thấy tâm trí tỏ sáng, những kinh nghĩa đã nghe từ trước đến giờ, một lúc đều nhớ rõ ràng thông suốt.

Về sau, ngài tham yết Từ Vân Sám chủ, hằng theo phục dịch gần bên, chỗ giải ngộ càng thêm sâu sắc. Niên hiệu Trị Bình năm đầu, ngài trụ ở Pháp Huệ bảo các, được vua tứ hiệu Quảng Từ. Không bao lâu, pháp sư lại thôi cư về ở bên tháp Lô Phong, tinh tu về môn Tịnh Độ. Ngài thường đứng co một chân trì chú Đại Bi 108 biến, lấy đó làm thường khóa. Lại đứng dờ chân 1 ngày 1 đêm niệm thánh hiệu Di Đà. Một đêm, pháp sư mộng thấy mình đến chỗ cảnh giới sáng suốt,

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

nhiều cung điện lâu các trang nghiêm, có người bảo: 'Tịnh độ trung phẩm là nơi thác sanh của ông'.

Mùa xuân niên hiệu Nguyên Phong năm đầu, ngài vì hàng đạo tục ngàn người, truyền giới ở Lô Phong, khi vừa mới làm phép yết ma, nơi đỉnh tượng đức Quán Thế Âm bỗng phóng ánh sáng rực rỡ, đèn đuốc cùng ánh mặt trời thấy đều lu mờ. Ngài Thủ Nhứt Thiền Sư ở chùa Tịnh Từ vì đó làm bài Giới Quang Ký.

Ngày 21 tháng 5 niên hiệu Nguyên Phong thứ 6, pháp sư tắm gội thay y phục lên giảng tòa, đề bài kệ khen Phật, rồi bảo đại chúng: 'Ta chắc chắn được sanh về Tịnh Độ', nói xong, ngồi yên lặng mà tịch, thọ được 86 tuổi. (trích Phật Tổ Thống Ký)

- Đời nhà Thanh, Ngô doãn Thăng người ở Huy Châu, huyện Hấp, lúc tuổi trẻ thường qua lại buôn bán ở 2 châu Tô, Hàng. Một hôm, nhân có dịp đi qua Hồ Khâu, tình cờ gặp vị tăng đang hóa trai. Vị này nhìn chăm chú vào mặt ông một lúc lâu rồi nói: Người cũng có căn lành, nhưng tiếc vì đến lúc 29 tuổi bị nạn chết đuối. Biết làm sao?

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Doãn Thăng sợ quá, cầu phương pháp giải thoát. Vị tăng trăm ngâm giây phút rồi bảo: Từ đây về sau, người nên giới sát, phóng sanh, niệm Phật và trì chú Đại Bi, may ra có thể khỏi được. Ngô Doãn Thăng y lời, về nhà trì chú, niệm Phật và thường lấy đó khuyên người.

Qua năm 29 tuổi, ông thuê thuyền từ Hàng Châu về quê quán, bạn đồng hành có 16 người. Thuyền ra đi được vài mươi dặm, bỗng gió to sóng lớn nổi lên, thế rất nguy cấp. Doãn Thăng chợt nhớ lời vị tăng nói khi trước, vội vã chấp tay tụng chú, niệm Phật. Giây phút thuyền chìm, tất cả người đi trong ấy đều bị sóng gió trôi giạt. Trong lúc hôn mê, ông bỗng nghe tiếng nói: Ngô Doãn Thăng có công trì chú niệm Phật và khuyên người, được khỏi tai nạn này! Mở mắt tỉnh ra, nhìn xung quanh, ông thấy mình đã được dân chài lưới vớt lên bờ, y phục ướt đẫm, mũ giày đều bị nước cuốn đi mất, duy nơi tay còn cầm chắc xâu chuỗi 18 hạt thường dùng để tụng niệm hằng ngày. Hỏi ra, thì 16 người kia đã bị nước cuốn đi không tìm thấy tung tích.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Từ đó về sau, ông tin tưởng công đức niệm phật, trì chú không thể nghĩ bàn, từng dùng hương viên đốt nơi cánh tay thành bốn chữ 'cầu sanh Tây phương'. Khi gặp ai ông cũng nói lý nhân quả, khuyên việc tu hành. Có được tiền, ông làm những công đức: tạo tượng, cất chùa, phóng sanh, bố thí, cùng các việc phước thiện khác. Danh lành của ông càng lúc càng truyền xa, cho đến tại vùng Hàng châu, tên Ngô Doãn Thăng đàn bà, trẻ con đều biết.

Ngày mừng một tháng năm, niên hiệu Đạo Quang thứ 9, khi lâm chung, ông giữ chánh niệm phân minh, tự nói: 'Tôi thấy vô số Bồ Tát đi kinh hành ở trước mặt tôi' Nói xong, ngồi yên mà qua đời, năm đó ông được 66 tuổi (trích Nhiễm Hương Tục Tập)

- Thời Trung Hoa Dân Quốc, ở Thai Châu có vị tăng hiệu Thích Kim Trục, xuất gia nơi chùa Diên Thọ hồi 8 tuổi, đến 20 tuổi, thọ đại giới tại chùa Quốc Thanh. Trên đường tu hành, vị đại đức thầy thế độ của ông, chỉ khuyên tụng chú Đại Bi và trì thánh hiệu Quán Thế Âm, y lời mỗi ngày sư tụng chú 48 biến, ngoài ra chỉ chuyên tâm niệm thánh hiệu không cho gián đoạn. Trì tụng lâu ngày, những thói quen trần

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

nhiểm lúc trước lần lần tiêu mòn, tâm tánh lần lần tỉnh sáng, ông xem danh lợi cuộc đời như mây bay bọt nước. Sư thường vì người trị bệnh rất là hiệu nghiệm, nhưng không thọ tiền thù đáp. Có nhiều kẻ cầu hỏi xin truyền cho phương pháp, ông bảo: 'Tôi chỉ trì chú Đại Bi và niệm Quán Thế Âm mà thôi'. Trong năm Mậu Thìn (dân quốc), sư trụ ở một am nhỏ, ban đêm bị ăn cướp vào khảo tiền. Sau khi chúng xét khắp am, thấy không có chi, nổi giận, đâm ông một dao ở tay mặt và hai dao ở bên trái. Thương thế tuy nặng, nhưng sư không chết. Vết đâm cũng dần lành, để lại ba dấu sẹo lớn ăn sâu vào. Đây cũng là nghiệp trái nhiều kiếp, do công đức trì niệm, nên chuyển quả báo nặng thành ra quả nhẹ ở hiện đời. Mùa hạ năm Kỷ Tị, sư đến Ninh Ba định an cư ở chùa A Dục Vương, nhưng vì số dự chúng đã đủ, mấy lần xin gia nhập, cũng không được hứa nhận. Chưa biết sẽ đi về đâu, ông ngồi tĩnh tọa trọn nửa ngày, không có lời hờn trách, sắc oán hận. Vị giám tự tăng thấy thế, đưa sư đến tạm ở nơi Dưỡng tâm đường. Ngày măn hạ, vị tăng quản đường lại theo quy lệ, không cho ở. Sư bảo: 'Chẳng bao lâu tôi sẽ sanh về Tây phương, xin từ bi cho tôi lưu lại trong một thời gian ngắn nữa'. Đến ngày 19 tháng 10, sư nói với

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

đại chúng rằng: 'Trong vòng 3 hôm nữa, tôi sẽ thoát ly biển khổ, sanh về Cực Lạc, xin khuyên bạn đồng tu thành tâm trì chú niệm Phật hoặc niệm Quán Âm, quyết định sẽ được vãng sanh. Vì Phật không bao giờ nói dối'. Lại bảo đức Quán Thế Âm Bồ tát tay cầm đài bạc thường hiện ở trước tôi'. Chúng cho là lời nói phô, tỏ vẻ không tin. Qua ngày 21, trước giờ Ngọ, sư đắp y lên chánh điện lễ Phật, lại đến trước vị tăng quản đường từ tạ, nói sau giờ Ngọ thời mình sẽ vãng sanh. Lúc ấy, mọi người còn cho là lời nói dối. Đến giờ Ngọ, sư cùng đại chúng thọ trai, ăn đủ hai chén như mọi ngày không giảm. Lại bảo bạn đồng liêu rằng: 'Theo quy lệ của nhà chùa, người chết đưa thi hài vào núi sâu, tiền công khiêng đi phải bốn giác. Nay tôi không có vật chi, chỉ còn đôi dép, xin phụng tặng, nhờ thầy lo liệu giùm việc ấy'

Quả nhiên, sau thời Ngọ một giờ, sư ngồi day mặt về Tây, an ổn mà hóa. (trích Du Huệ Úc Sao Tập)

- Ấn Quang đại sư, một vị cao tăng cận đại ở Trung Hoa, thuở sanh bình, hết sức tự tu và hoằng hóa pháp môn tịnh độ, thường khóa cửa ngai ngoài thời

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

niệm Phật chánh thức, lại kiêm trì chú Đại Bi. Đại sư tu hành tinh tấn, sức từ bi cảm hóa đến hàng dị loại.

Năm Dân quốc thứ 19, ngài trụ ở chùa Báo Quốc, tại Thái Bình, trong tịnh thất, bỗng sanh ra vô số rệp, nhiều cho đến nỗi nó bò lên song cửa, trên mặt bàn. Có mấy vị đệ tử lo nghĩ đại sư già cả, không kham chịu sự quấy nhiễu, đôi ba phen xin vào trong thất dọn bắt. Ngài không cho và bảo: 'Việc này chỉ trách mình kém đạo đức mà thôi. Thuở xưa một vị cao tăng cũng bị loài rệp phá rối, chịu không kham. Quả bảo nó phải dời đi nơi khác, chúng liền đem nhau bỏ đi. Nay ta tu trì bất lực, nên không được sự cảm ứng như thế, lại còn nói gì?' Rồi đại sư vẫn an nhiên mà ở, không để ý đến. Ít lâu sau, loài rệp bỗng nhiên tuyệt tích, ngài cũng không nói cho ai biết. Lúc ấy, gần tiết Đoan Ngọ, Đức Sum pháp sư chợt nhớ đến việc trước hỏi thăm, ngài bảo: 'đã đi hết từ lâu, không còn con nào nữa'. Pháp sư cho là ngài lớn tuổi, mắt mờ yếu nên không thấy, quyết ý xin vào trong xem lại, quả nhiên chúng đã đi đâu hết sạch. Hay là nó cũng vì ngài dời chỗ ư?

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Đại sư thường gia trì chú Đại Bi vào nước, gạo hoặc tro sạch để cứu những chứng bệnh mà các y sư đều bó tay, hiệu nghiệm lạ lùng. Một ngày, nơi lầu Tàng Kinh của chùa phát hiện ra vô số môi trắng, đại sư ở trong thất, nghe nói, liền trì chú vào nước bảo tưới lên chú nguyện, loài môi cũng kéo nhau đi mất.

Những đệ tử ở xa bị bệnh dây dưa không hết, ngài khuyên nên trì chú vào gạo nấu ăn cho đến chừng nào hết bệnh mới thôi. Phương pháp đó gọi là Đại Bi Phạn. Cách nấu cơm, theo đại sư, nên khéo nấu gạo nước cho vừa chừng, đừng đổ nước nhiều rồi chảy ra, vì như thế đã hao củi lại mất chất bổ trong cơm, làm phí phạm của tiền mà tổn phước. Thuở còn nhỏ, ngài hay đau yếu, có người giỏi về tướng pháp cho rằng chỉ thọ đến 38 tuổi là cùng. Nhưng sau đại sư sống khỏe mạnh đến 80 tuổi mới vắng sanh. Người chí tâm tu niệm hay cải đổi số mạng. Việc ấy quả có như thế ư? (trích Ấn Quang Đại Sư truyện ký)

III. Lời bạt

Đời càng đi sâu vào mật pháp, sự khổ của nhơn loại càng thêm nhiều. Đó cũng là cộng nghiệp của

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

chúng sanh chứa góp từ nhiều kiếp trước đến kiếp này, đã tới kỳ bộc phát. Túc nghiệp đã sẵn, hiện nghiệp lại giúp duyên, như lửa gặp được dầu càng thêm lan cháy!

Thế giới ngày nay, chiến tranh hết nơi này đến nơi khác, nhiều chứng bệnh lạ nảy sanh, trộm cướp hoành hành, nơim dân nghèo khổ. Mỗi năm những tin tức bão lụt, động đất, nắng hạn, mất mùa, ở khắp các xứ không biết là bao nhiêu! Cảnh đã như thế, con người phần nhiều càng hung ác, gian xảo, không biết tỉnh thức ăn năn. Những thảm trạng do lòng tham địa vị, tình ái, tiền tài, kết quả gây ra tàn hại lẫn nhau cũng không xiết kể!

Kinh Hoa Nghiêm nói: 'Tâm như người họa khéo, vẽ vờ cảnh thế gian'. Cảnh đời vui khổ đã do hành vi lành dữ phát sanh từ tâm niệm của loài người thì muốn làm dịu bớt thảm trạng ngày nay, mỗi người phải tự tỉnh, ăn năn, giữ tám chữ: trung, hiếu, đễ, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ và tấm lòng chân thật ngay thẳng, biết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Ngoài ra, muốn tiêu trừ nghiệp chướng, tránh khỏi họa tai, người biết Phật pháp lại cần phải cầu nơi tha lực như tu các hạnh niệm

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Phật, niệm Quán Thế Âm hoặc thọ trì mật chú nữa. Xem kinh Quán Âm Đại Bi Tâm Đà Ra ni, tôi thấy những công đức an vui, thoát khổ trong ấy rất cần thiết đối với hiện cảnh ngày nay, nhân có một Phật tử yêu cầu phiên dịch, tôi liền vui lòng hứa nhận.

Theo trong Hiền Mật Viên Thông, người tu Chân ngôn về sắc trần cần phải rõ rệt, như quán nước phải ra nước, quán lửa phải ra lửa, chớ không thể khác được. Riêng về thanh trần thì dù tiếng tụng đọc tụng có trại với Phạm Âm đôi chút cũng không sao, miễn có lòng tin tưởng chí thành là được công hiệu. Vì thế, từ trước đến nay, hàng Phật tử ở Trung Hoa cho đến VN ta, khi đọc tụng chú, thật ra đều trại với chánh âm, song vẫn cảm được oai thần công đức không thể nghĩ bàn. Vậy người học Phật, muốn trì chú, đừng lấy điểm này làm nghi, mà mất phần lợi ích.

Lại từ trước đến nay, chú ngữ không phiên dịch vì 5 duyên có:

1. Vì tâm niệm bí mật nên không phiên dịch.

Như chúng sanh dùng tâm yên lặng, tin tưởng, thành kính mà niệm chú, tất sẽ khế hợp với chân tâm

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

của Phật, Bồ Tát mà được cảm ứng. Nếu biết nghĩa lý thì dễ sanh niệm phân biệt, cho đoạn này nghĩa như vậy, đoạn kia nghĩa như thế, kết cuộc vẫn ở trong vòng vọng tưởng, làm sao thông cảm với Phật tâm?

2. Vì nghĩa lý bí mật nên không phiên dịch.

Trong một chữ chân ngôn có nhiều nghĩa, nếu dịch nghĩa này thì mất nghĩa kia. Không được toàn vẹn. Thí dụ, riêng một chữ A đã hàm súc những nghĩa như bất sanh, bất diệt, không, căn bản, chân thể, và nhiều nghĩa khác nữa.

3. Vì danh tự bí mật nên không phiên dịch:

Nhiều chữ trong chân ngôn, hoặc chỉ cho danh hiệu Phật, Bồ Tát, Thiên, Long, Quỷ Thần, như chữ Hồng gồm 4 chữ Hạ, A, Ô, Ma hiệp thành, chỉ cho chủng tử của chư thiên. Hoặc có thứ ở phương này không có, như danh từ Diêm Phù thọ chẳng hạn.

4. Vì âm thanh bí mật nên không phiên dịch:

Các chữ chân ngôn có khi diễn tả âm thanh của tiếng gió reo, nước chảy, tiếng loài chim kêu, đọc lên

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

có sức linh động, nên để nguyên âm. Thí dụ: câu tô rô tô rô là chỉ cho tiếng lá cây ở cõi Phật rơi xuống. Hoặc như chữ Án (Aum), đọc lên có năng lực thâm kín, làm rung chuyển không gian. Hay như chữ Ta Bà Ha (svaha) có sức truyền cảm như một sắc lệnh. Lại có nhiều danh từ nguyên chữ Phạn sẵn từ trước đến nay, vì thuận theo xưa, nên không dịch ra.

5. Vì sự sanh thiện bí mật nên không phiên dịch.

Như danh từ bát nhã, người đọc lên sanh lòng tin tưởng, phát ra niệm lành, nếu dịch là trí huệ thì sanh lòng khinh thường, không quý trọng.

Trên đây là những nguyên nhân vì sao chú ngữ không dịch ra, chớ chẳng phải là không có ý nghĩa. Người học Phật phải nên xét nghĩ, chớ vội theo chỗ thấy hiểu cạn hẹp của mình, sanh lòng khinh mạn mà mang tội.

Lại trong kinh có câu: 'Nếu tụng trì đúng pháp, tự nhiên sẽ được hiệu quả'. Vậy tụng trì đúng pháp là sao? Trong đây xin chia ra hai phương diện:

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

5.1. Về mặt giữ gìn giới hạnh:

Người trì chú cần phải giữ trai giới, trừ sát, đạo, dâm, vọng, kiêng cử rượu, thịt, hành, họ, tỏi cùng các thức ăn hôi hám. Thân thể thường phải năng tắm gội, thay đổi y phục cho sạch sẽ, chớ để trong người có mùi hôi. Khi đại tiểu xong, phải rửa tay đọc chú. Trước khi trì chú phải súc miệng cho sạch. Lại nữa, trong thời gian kiết thất trì chú, người ấy chớ nên nói chuyện hí hước tạp nhạp, không nên khởi tâm hờn giận, hoặc tham tưởng sự ăn uống ngủ nghỉ hay sự dục lạc ngoài đời. Phải giữ lòng thanh tịnh, tin tưởng, thành kính.

5.2. Về mặt lập đàn tụng niệm:

Theo đúng pháp, người trì chú nào phải thờ vị Bản Tôn của chú ấy. Như trì chú Đại Bi thì phải thờ tượng Thiên Nhân, hoặc tượng Quán Âm 24 tay, 18 tay, 8 tay, 4 tay hay ít lắm là tượng Quán Âm thường cũng được. Nên để tượng day mặt về phương Tây. Theo quyển Bách Lục Thỉnh Quán Âm Nghi thì nếu có tượng Bản Sư nên để tượng Thích Ca hướng về phương Nam, tượng Quán Âm hướng về phương

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Đông. Đàn tràng nên lựa chỗ vắng lặng sạch sẽ, thường dùng hương, hoa, nước trái cây, cùng các thứ ăn uống cúng dường tôn tượng. Nếu có phương tiện, treo tràng phan, bảo cái lại càng tốt. Thời gian cầu nguyện hoặc 7 ngày, 21 ngày, 49 ngày nên giữ cho đúng. Trước khi vào đàn, phải kiết giới y như kinh đã chỉ dạy. Trong một ngày đêm, chia ra làm 3, 4 hoặc 6 thời, tụng niệm tiếp tục, tiếng tụng cần phải rành rẽ, rõ ràng. Ngoài ra, nghi thức lễ bái, trì niệm cũng cần phải biết và học thuộc trước.

Trên đây là nói về cách lập đàn kiết giới tụng niệm để cầu cho được mau hiệu nghiệm, nếu người thường tụng trì, không bắt buộc phải theo lệ ấy. Nhưng trong 2 phương diện trên, gắng giữ được phần nào lại càng hay.

Chúng sanh căn cơ, tâm bịnh, sở thích vô cùng. Giáo môn của Phật, Bồ Tát cũng chia ra vô lượng, dịch ra quyển này, tôi chỉ kính vâng theo bi nguyện của chư Phật, Bồ Tát, và thuận với sự mong cầu, thích hợp của hành nhơn mà thôi. Nếu vị nào lấy tâm Bồ Đề làm nhân, tùy theo chí nguyện, lựa một pháp môn tu đều có thể giải thoát. Nhưng, chúng sanh đời mạt

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

pháp, phần nhiều là hàng trung, hạ, ít có bậc thượng căn, cần nương nhờ nơi tha lực mới mong được kết quả chắc chắn. Tịnh tông và Mật Tông đều thuộc về tha lực pháp môn, mà Tịnh tông lại là chỗ quy túc cho các tông khác. Nguyên xin các đồng nhơn, từ đây dứt dứt làm lành, tin sâu lý nhân quả, rồi hoặc chuyên niệm Phật, hoặc lấy niệm Phật làm chánh, tụng kinh, trì chú, tham thiền làm trợ, để tự tu và khuyên người. Như thế mới là mưu hạnh phúc cho chính mình, cho thân nhơn và tất cả sanh loại. Như thế mới có thể chuyển họa thành phước, đổi cảnh trạng thống khổ trước mắt thành cảnh giới an ổn, vui tươi. Để rồi ngày lâm chung, lại được cùng nhau chân bước lên chín phẩm liên đài, thân ra khỏi 3 ngàn thế giới, thấy Di Đà trong hiện kiếp, chứng đạo giác nơi tương lai. Như vậy chẳng quý hơn ư?

¹ Đà Phạm Đạt Ma: tiếng Phạm (Bhagavaddharma), dịch là Tôn Pháp, một vị sa môn người Ấn Độ, du hóa vào Trung Quốc, niên hiệu Khai Nguyên đời nhà Đường.

² Thích Ca Mâu Ni: tiếng phạm (Sakyamuni) dịch là Năng Nhân Tịch Mặc, Thích Ca là họ, Mâu Ni là tên, ngài giảng

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

sinh ở Trung Ấn Độ, 25 thế kỷ về trước, tu thành Phật làm vị giáo chủ cõi Ta Bà.

³ Bồ Đà Lạc Ca: Tiếng Phạm Potalaka, dịch là Quang Minh Sơn, tên một tòa núi ở hải đảo phía Nam Ấn Độ, núi này hình bát giác, đức Quán Thế Âm trụ tích nơi đây.

⁴ Ma ni: tiếng phạm Mani, dịch là trân bảo, ly cầu, như ý. Vì rất quý nên gọi là châu, bảo; vì trong suốt, sáng rõ nên gọi là ly cầu; vì tùy sở biến hiện nên gọi là như ý.

⁵ Đà ra ni (dharani), dịch là Tổng Trì, có 3 loại: một chữ, nhiều chữ và không chữ. Vì bao gồm vô lượng pháp nên gọi là Tổng, vì giữ chứa vô lượng nghĩa nên gọi là trì. Tổng trì có công năng phá tà lập chánh, tiêu diệt nghiệp ác, phát sanh phước đức căn lành.

⁶ Bồ Tát Ma Ha Tát (bodhisattva mahasattva) bồ tát dịch đại đạo tâm chúng sanh, hoặc giác hữu tình, nghĩa là bậc chúng sanh có lòng đạo lớn, và tuy giác ngộ mà còn có tình thức. Ma ha tát dịch là đại chúng sanh. Nói tóm lại, Bồ Tát Ma Ha tát là đại bồ tát, bậc bồ tát lớn trong hàng Bồ Tát.

⁷ Di Lặc (Maitreya), dịch là Từ Thị, tên một vị Bồ Tát, sẽ nối ngôi thành Phật, kế đức Thích Ca.

⁸ Văn Thù Sư Lợi (Manjusri), có chỗ đọc là Mạn Thù Thất Ly, dịch là Diệu Đức, hoặc Diệu Kiết Tường, tên một vị Bồ tát thường hầu bên tả đức Thích Ca, giữ về phần trí huệ.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

⁹ Quán đánh đại pháp vương tử: vị bồ tát khi chứng ngôi đẳng giác, trụ nơi cung điện trang nghiêm ở cõi trời Đại Tự Tại, chư Phật 10 phương phóng ánh sáng đến chiếu rọi vào đánh đầu (quán đánh). Đây là lễ ấn chứng cho chánh thức làm con của đấng Pháp vương (pháp vương tử). Sau này sẽ nối ngôi Phật, lệ như thái tử thọ phong nơi vua.

¹⁰ A la hán (arahat) ngôi cực quả trong hàng tiểu thừa, có 3 nghĩa: a. Ứng cúng: đáng được thọ trời, người cúng b. Vô sanh: đã dứt sự sống chết, không còn luân hồi c. Sát tặc: giết chết giặc phiền não, hoại nghiệp.

¹¹ Ma ha Ca Diếp (mahākasyapa) Ma ha dịch là đại, Ca Diếp dịch là ...m Quang, tên một vị đệ tử lớn của Phật, hạnh đầu đà bậc nhất. Khi ngài mới sanh ra, có ánh sáng lấp lánh cả ánh sáng nhật nguyệt.

¹² Phạm ma la thiên (Brahman): gọi tắt là Phạm Thiên, tên một cõi trời ở Sắc giới, Phạm nghĩa là trong sạch, vì chư thiên ở cõi này xa lìa sự dâm dục, sống trong cảnh an vui của thiên đình.

¹³ Thiên tra phạm ma: tên của vị thiên tử làm chủ cõi phạm thiên.

¹⁴ Cù bà đà thiên tử: tên một vị thiên tử ở cõi Dục giới chuyên giữ pháp lành cho chúng sanh.

¹⁵ Tứ thiên vương: bốn vị thiên chủ ở bốn cung trời ở giữa chùng núi Tu Di: phương đông Trì Quốc thiên vương, phương

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Nam Tăng Trưởng Thiên Vương, phương Tây Quảng Mục Thiên Vương, phương Bắc Đa Văn Thiên Vương.

¹⁶ Đề Đầu Lại Tra (Dhrtaràstra) cũng gọi là Đề Đa La Tra, tức Trì Quốc Thiên Vương.

¹⁷ Thiên, tiếng Phạm gọi là Đề Bà (Déva) ta gọi là trời. Các vị này do tu tập thiện nên hưởng phước thiên nhiên, sự ăn mặc tùy niệm hiện thành.

¹⁸ Long: tiếng Phạm gọi là Na Già (nagà) ta gọi là rồng, loài này có thần thông biến hóa, hoặc giữ cung điện trời, hoặc giữ địa luân, hoặc làm mưa gió.

¹⁹ Dạ xoa (Yaksa), còn gọi là Dục Xoa, dịch là Đồng Kiện, Bạo Ác hay Thiệp Tật, một loài quỷ rất hung mãnh, bay đi mau lẹ, có phận sự giữ cung khuyết, cùng thành trì của trời.

²⁰ Càn thất bà (gandharva) dịch là Hương ẩm, nhạc thần của trời Đế Thích, dùng mùi thơm làm thức ăn.

²¹ A tu la (Asura): dịch là Phi Thiên, một loài thần có phước đức của trời mà đức không bằng trời, có thần thông biến hóa song thân hình thô xấu, vì kiếp trước hay sân hận.

²² Ca lâu la (garuda): dịch là Kim Sứy Điều, một loại chim thần cánh có lông sắc vàng tốt đẹp, hai cánh xò ra cách nhau đến 3.360.000 dặm, có thần thông biến hóa

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

²³ Khẩn na la (kinnara) dịch là Nghi Nhon, một loại thần giống người nhưng không phải là người vì trên đầu có sừng, ca múa rất hay, thường tấu pháp nhạc và ca múa cho trời Đế Thích nghe.

²⁴ Ma hầu la già (mahoraga) dịch là Đại Mãng, hay Địa long tức là thần rắn.

²⁵ Nhon phi nhon: loại quỷ thần hình như người mà không phải là người, hoặc có sừng, có cánh, có móng vuốt. Đây cũng là danh xưng chung cho bát bộ quỷ thần vì họ không phải là người mà biến ra hình người đến nghe Phật thuyết pháp. Kinh Xá Lợi Phất vẫn nói: 'Bát bộ đều là phi nhon',

²⁶ Thiết vi: tên dãy núi thuần bằng sắt, có 4 hạng thiết vi. Hạng thứ nhứt bao vây một tiểu thế giới (gồm một núi Tu Di, bốn đại châu và biển cả), hạng thứ nhì bao vây một tiểu thiên thế giới, hạng thứ ba bao vây một trung thiên thế giới, hạng thứ tư bao vây một đại thiên thế giới.

²⁷ Tu Di (Sumeru) dịch là Diệu Cao, tên một tòa núi đứng giữa bốn đại bộ châu, vì do 4 chất báu tạo thành nên gọi là Diệu, và cao hơn các núi khác nên gọi là Cao.

²⁸ Thần chú: thần có nghĩa là linh thông, Chú có nghĩa là chúc nguyện, về thể gọi là đà ra ni, về dụng gọi là chú.

²⁹ Đất rung động 6 cách: 1. Phương đông nổi, phương tây chìm 2. Phương tây nổi, phương đông chìm 3. Phương nam nổi, phương bắc chìm 4. Phương nam chìm phương bắc nổi 5. Bốn

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

phương nổi, chính giữa chìm 6. Chính giữa nổi, 4 phương chìm.

³⁰ Sanh tử vi tế: cũng gọi là biến dịch sinh tử. Đây là ước theo nghĩa vô minh tiêu gọi là tử, pháp thân hiện gọi là sanh, chứ không phải như tướng sống chết của vật loại. Vì sự sanh diệt này rất nhỏ nhiệm, không phải phạm tình biết được. Nên gọi là vi tế.

³¹ Tỳ khuru, tì khuru ni (Bhiksu, Bhiksuni) người xuất gia khi đã thọ cụ túc giới thì nam gọi là Tỳ khuru, nữ gọi là tỳ khuru ni. Danh từ này có nhiều nghĩa, nhưng lỗi dịch chánh là khát sĩ. Khát sĩ nghĩa là trên xin chánh pháp để dưỡng tánh huệ, dưới xin thực phẩm để nuôi sắc thân. Ưu Bà tắc, ưu bà di (upāsaka, upasika) dịch là cận sự nam, cận sự nữ, đây là hàng đệ tử nam nữ của Phật sau khi thọ tam quy ngũ giới mới có danh từ trên. Cận sự là gần gũi phụng sự ngôi Tam bảo.

³² A Di Đà (Amita) dịch là vô lượng thọ hoặc vô lượng quang, có nghĩa là đáng có mạng sống, và ánh sáng không lường. Đây là tôn hiệu của đức Phật ở về thế giới Cực Lạc ở phương Tây.

³³ Tam muội, biện tài. Tam muội (samadhi) dịch là chánh định, có nghĩa tâm định ở một chỗ không xao động. Biện tài: tài biện luận.

³⁴ Cửa thường trụ: cửa nhà chùa. Vì cửa này không được phép bán, hay dời đi đâu, thường ở một chỗ, nên gọi là thường trụ.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

³⁵ Tội thập ác, ngũ nghịch: Thập ác là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói thêu dệt, nói dối chiều, nói lời thô ác, tham lam, giận hờn, si mê, tà kiến. Ngũ nghịch là: làm cho thân Phật ra máu, giết cha, giết mẹ, giết bậc hòa thượng a xà lê, phá sự hòa hợp của tăng chúng.

³⁶ Tăng kỳ (Samghika) dịch là Chúng số (số đông). Của tăng kỳ tức là của thường trụ, của chung của số đông tăng chúng.

³⁷ Phạm hạnh: Hạnh thanh tịnh, xa lìa dâm dục

³⁸ Tu Đà Hoàn (Srotàpanna phala), dịch là Nhập Lưu, có nghĩa là bậc đã vào dòng thánh. Tu Đà hàm (sakrdàgàmi), dịch là Nhứt Lai, có nghĩa là bậc một phen trở lại cõi trần mới siêu thoát luân hồi. A Na Hàm (anàgàmi) dịch là bất lai, có nghĩa là không còn trở lại dục giới nữa, quả vị này sanh ngay lên cõi trời Ngũ Bất Hoàn, tu cho đến khi chứng quả A La hán.

³⁹ Vi đà (Vedà) dịch là minh trí, kinh điển của hàng bà la môn, có 4 loại: loại dạy phép dưỡng sanh, loại cúng tế cầu nguyện, loại bói toán và loại phù chú.

⁴⁰ Mật tích Kim cang sĩ: thiên thần cầm kim cang xử theo ủng hộ Phật. Gọi là mật tích vì thần này thường theo Phật nghe những sự tích bản thể bí mật, hoặc các vị này do Phật, Bồ Tát thị hiện làm thần, tung tích rất bí mật, chúng sanh không biết.

⁴¹ Ô Sô quân đồ ương câu thi (Ucchusma angusa) Ô sô quân đồ cũng gọi là Ô Sô Sa Ma, dịch là Uế Tích Kim Cang, Ương câu thi: có nghĩa là Phúc Câu, tên một thứ vũ khí hình như cái móc. Đây là tên của một vị Minh vương thần, có công đức

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

chuyển uế thành tịnh, vị thần này và đầu chân lông đều phun ra lửa, mặt mày phần nộ, có bốn cánh tay cầm những thứ vũ khí: gương, dây roi, xoa hoặc khúc câu.

⁴² Bát bộ lực sĩ, Thường Ca La: bát bộ lực sĩ chính là thiên long bát bộ. Thường Ca La (Sankara) dịch là Cốt Tỏa Thiên, đây chính là tên vị thiên thần bộ thuộc của đức Quán Âm, thống lãnh bát bộ.

⁴³ Ma Hê Na La Diên (Mahésvara Nàrayana): Ma hê gọi cho đủ là Ma Hê Thủ La, có nghĩa Đại Tự Tại, dịch là lực sĩ hoặc Kiên cố. Đây là tên vị thiên thần rất hùng mãnh, có 3 con mắt, 8 cánh tay, ở cõi Sắc Cứu Cánh.

⁴⁴ Kim Tỳ La Đá Ca Tỳ La: gọi tắt là Kim Tỳ La Đà (Kumbhirabà) dịch là Oai Như Vương, thân hình sắc trắng hồng, tay trái cầm bảo cung, tay mặt cầm bảo tiền

⁴⁵ Bà Cấp Ta Lô La: Ta Lô La cũng gọi là Ca Lô La, đây chỉ cho vị thần thống lãnh loài Kim Sứy Điều.

⁴⁶ Mãn Thiện Xa Bát Chân Đà La: Chân Đà La tức Khẩn Na La, đây là chỉ cho tên vị thần thống lãnh loài Nhon Phi Nhon.

⁴⁷ Tát Giá Ma hòa La: Ma Hòa La cũng gọi Ma Đà La (Makara) tức là cá Ma Kiệt, loài cá này rất lớn, cơ thể dài đến 700 do tuần. Đây là tên chỉ cho vị thần thống lãnh loài cá Ma Kiệt.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

⁴⁸ Cưu Lan Đơn Trà Bán Chỉ La: cũng gọi là Bán Chỉ Ca (panika), tức là vị đại thần đứng vào hàng thứ ba trong hàng 8 vị được xoa đại tướng.

⁴⁹ Tất bà già la vương: tức là thọ thần vương, vị thần làm chủ các loài cây.

⁵⁰ Ứng Đức Tì La Tát Hòa La: dịch là Hoan hỉ thần.

⁵¹ Phạm Ma Tam Bát La: tức là Phạm Thiên vương.

⁵² Ngũ Bộ Tịnh Cư Diêm Ma La: gọi tắt là Diêm ma thiên (suyamadeva), vị thiên tử quyết đoán những nghiệp lành dữ của chúng sanh.

⁵³ Thích Vương Tam thập tam: tức là trời Đế Thích ở cõi trời Đao Lợi, làm chủ 33 cung trời, đây là chỉ cho vị Đế Thích cùng 32 vị thiên chủ tùy thuộc.

⁵⁴ Đại Biện Công Đức Bà Đát Na: Bà Đát Na dịch là Tăng Ích, đây là chỉ cho Đại Biện Tài Thiên vương.

⁵⁵ Thần Mẫu Nữ, chúng đại lực: tức là thần Quỷ Tử Mẫu, thống lãnh đại lực dạ xoa.

⁵⁶ Tỳ Lô Lặc Xoa vương (Virùdhaka): Tăng trưởng thiên vương

⁵⁷ Tỳ Lô Bác Xoa Tỳ Sa Môn, gọi tắt là Tỳ Sa Môn (Vairasana) tức Đa Văn Thiên Vương.

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

⁵⁸ Kim Sắc Không Tước Vương: tên một vị thần thân mình sắc vàng rực, tay tả cầm phượng báu, trên báu có chim không tước (chim công).

⁵⁹ Ma Ni Bát Đà La (Manibhadra) tức Bảo Hiền, một trong 8 vị được xoa đại tướng.

⁶⁰ Táng Chi Đại tướng, Phất La Bà: cũng gọi là Phất Bà La Ha (Puspàraha) dịch là Thực Hoa, một trong 8 vị được xoa đại tướng.

⁶¹ Nan Đà, Bát Nan Đà (Nanda, Upananda): dịch là Hoan Hỉ, Thiện Hoan Hỉ. Tên của 2 vị long vương huynh đệ, Nan Đà là rồng lớn, Bát Nan Đà là rồng nhỏ. Hai vị long vương này mỗi vị đều có 7 đầu, tay hữu cầm đao, tay tả cầm dây.

⁶² Bà Già La Long Y Bát La: Bà Già La dịch là Hàm Hải Long Vương, Y Bát La dịch là Hương Diệp long vương, mình rồng đầu voi.

⁶³ Cưu Bàn Trà vương, Tỳ xá xà: Cưu Bàn Trà (Kumbhànda) dịch là Yểm Mị Quỷ, Tỳ Xá Xà (Pisàca) dịch là Đạm Tinh Khí Quỷ. đây là 2 loại quỷ vương trong bát bộ quỷ thần.

⁶⁴ Ma kiệt: loại cá lớn, dài từ 300 đến 700 do tuần.

⁶⁵ Ngũ vị tân: hành, hẹ, tỏi, nén, hưng cừ (hai thứ sau nước ta không có).

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

⁶⁶ Bạt chiết la (vajra): dịch là Kim Cang Xử, đây cũng là một loại chày Kim Cang.

⁶⁷ Bình quân trì dịch là tháo bình, tịnh bình, tức là bình để rửa tay